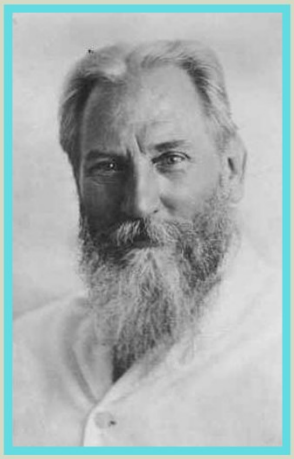
C.W. Leadbeater



THÔNG ĐIỆP TỪ CÕI VÔ HÌNH

Messages from The Unseen

minhtrietmoi.org

MESSAGES FROM THE UNSEEN

BY

The Rt. Rev. C. W. LEADBEATER

THEOSOPHICAL PUBLISHING HOUSE

Adyar, Madras, India

1931

Reprinted from The Theosophist for May, June and September, 1931.

I HAVE received a number of letters lately from members of our Society in different parts of the world referring to spirit communications. It would seem that some of our brethren are really troubled about such matters, and scarcely know how to regard them; so it may be worth while to offer a few suggestions.

GẦN ĐÂY tôi nhận được nhiều thư từ các hội viên của Hội chúng ta ở nhiều nơi trên thế giới đề cập đến việc giao tiếp với linh giới. Có vẻ như một số huynh đệ của chúng ta thật sự băn khoăn về những chuyện như thế, và hầu như không biết nên nhìn nhận chúng ra sao; vì vậy có lẽ đáng để đưa ra vài gợi ý.

In the first place, we must try to realize that messages from the unseen world are quite common things. The person who receives a message of that sort usually feels himself to be specially favoured, and thinks that he alone out of all the world is selected for this very wonderful experience; and our spirit friends tend a little to encourage that idea. But really that is an illusion. It is not at all an uncommon thing for people to receive messages from the unseen, and therefore we need not attach undue importance to them. They come in many ways. In the old days they came most frequently through table-rapping, or table-tilting; that plan is less in fashion now, and people mostly receive them through writing by planchette.

Trước hết, chúng ta phải cố nhận ra rằng các thông điệp từ thế giới vô hình là những điều khá thường gặp. Người nhận được một thông điệp kiểu ấy thường cảm thấy mình được ưu ái đặc biệt, và nghĩ rằng chỉ riêng mình giữa cả thế gian được chọn cho trải nghiệm hết sức diệu kỳ này; và những bằng hữu bên vô hình cũng hơi có khuynh hướng khuyến khích ý nghĩ ấy. Nhưng thật ra đó là một ảo tưởng. Không hề hiếm khi người ta nhận được thông điệp từ cõi vô hình, do đó chúng ta không cần gán cho chúng tầm quan trọng quá mức. Chúng đến theo nhiều cách. Ngày xưa, chúng thường đến nhất qua việc gõ bàn, hay nghiêng bàn; cách ấy nay ít thịnh hành hơn, và người ta phần nhiều nhận chúng qua lối viết bằng bảng cầu cơ.

Planchette is a little heart-shaped board which, when one or two people put their hands on it, will sometimes run about and write messages. Others receive communications through a contrivance

Bảng cầu cơ là một tấm gỗ nhỏ hình trái tim, khi một hay hai người đặt tay lên đó, đôi khi sẽ chạy quanh và viết thông điệp. Những người khác nhận liên lạc qua một dụng cụ họ gọi là bảng Ouija. Tên này dường như ghép từ hai từ

which they call the Ouija Board. The name appears to be composed of two words —oui and ja, which are respectively the French and German words for yes. There are specimens of it which have inscribed upon them the words "Yes" and "No," and then the letters of the alphabet. There is a little stick which turns about and points to the letters, and in that way communications are given. Other people receive them through their own hands by what is called automatic writing. A person sits quietly with a pencil in his hand, the hand resting on a sheet of paper, and the pencil presently begins to scribble. Sometimes it writes nonsense or draws meaningless lines, but sometimes it writes quite intelligibly. Do not make the mistake of thinking that such phenomena are always fraudulent or a delusion. They are not necessarily that at all. I myself have seen sentences in classical Greek written in that way with a planchette under the hand of an ignorant Sinhalese boy, who did not know the Greek alphabet even; yet intelligible sentences were written in the Greek language by the hand of that boy. Such a message is not a fraud; it is a genuine manifestation of its kind—-a communication from the unseen world; but we must bear in mind that the unseen world is after all an extension of the world we see, and the advice that comes from there is not necessarily any wiser than that which we might receive on the physical plane. Sometimes those who give us these communications are sportive Nature-Spirits, though much more often they are dead people; but a man who happens to be dead is not therefore all-wise. His advice directly after death is worth precisely what it was worth just before death; we must not take everything for gospel which comes in any of these ways. Sometimes such an impression comes to a person through a dream or a vision. He may meet in his dream some noble-looking person in flowing robes, generally luminous

—oui và ja, lần lượt là chữ "vâng" trong tiếng Pháp và tiếng Đức. Có những tấm có khắc các chữ "Có" và "Không", rồi các chữ cái của bảng chữ cái. Có một que nhỏ xoay và chỉ vào các chữ cái, và theo cách đó thông điệp được đưa ra. Những người khác nhận chúng qua chính bàn tay mình bằng cái gọi là viết tự động. Một người ngồi yên với một cây bút chì trong tay, tay đặt trên tờ giấy, và cây bút chì liền bắt đầu viết nguệch ngoạc. Đôi khi nó viết những điều vô nghĩa hoặc vẽ những đường nét không mục đích, nhưng đôi khi nó viết rất rõ ràng. Đừng mắc sai lầm khi nghĩ rằng những hiện tượng như vậy luôn là giả mạo hay mê lầm. Không nhất thiết thế chút nào. Bản thân tôi từng thấy những câu bằng tiếng Hy Lạp cổ điển được viết theo cách ấy bằng bảng cầu cơ dưới bàn tay một cậu bé Tích Lan ít học, đến nỗi ngay cả bảng chữ cái Hy Lạp em cũng không biết; vậy mà những câu viết bằng tiếng Hy Lạp vẫn xuất hiện rõ ràng bởi bàn tay của cậu bé đó. Một thông điệp như vậy không phải là giả; đó là một biểu hiện chân thực theo cách của nó—một sự liên lạc từ cõi vô hình; nhưng chúng ta phải ghi nhớ rằng cõi vô hình suy cho cùng là một sự mở rộng của thế giới ta thấy, và lời khuyên đến từ đó không nhất thiết khôn ngoan hơn lời khuyên mà chúng ta có thể nhận được ở cõi hồng trần. Đôi khi những kẻ đưa các thông điệp này là tinh linh Thiên nhiên khôi hài, tuy thường nhiều hơn là người đã chết; nhưng một người, chỉ vì tình cờ đã chết, không vì thế mà toàn tri. Lời khuyên của y ngay sau khi chết giá trị đúng bằng giá trị của nó ngay trước khi chết; chúng ta không được xem mọi điều đến bằng những cách này như chân lý tuyệt đối. Đôi khi một ấn tượng như thế đến với người nào đó qua giấc mơ hoặc thị kiến. Y có thể gặp trong mơ một nhân vật trông cao quý, y phục phất phơ, thường thì sáng rực và tỏa chiếu, và y có thể mang về một ký ức rõ rệt về điều y cho rằng nhân vật ấy đã nói. Đó có thể là một sự kiện có thực ở cõi cảm dục, nhưng mặt khác cũng có thể không; và

and shining, and he may bring back a clear recollection of what, he thinks that person said. That may be a real occurrence in the astral world, but on the other hand it may not; and even if it be, we must not conclude that what is said is necessarily wise or accurate.

ngay cả nếu là có, chúng ta cũng không nên kết luận rằng điều đã nói nhất thiết là khôn ngoan hay chính xác.

A case came before me some time ago— a case of a person who was haunted and persecuted by a certain female figure who never left him, who was always talking to him, and telling him that he had been Napoleon, Julius Caesar, Hiram Abiff, Cavour, St. Joseph and other great personages in his past incarnations. Furthermore she told him that she had seen round him various exalted beings, the Lord Buddha Himself among others!

Cách đây một thời gian có một trường hợp đưa đến trước tôi—một trường hợp một người bị một hình bóng nữ ám ảnh và quấy nhiễu, lúc nào cũng bám lấy y, luôn miệng nói với y rằng y đã từng là Napoleon, Julius Caesar, Hiram Abiff, Cavour, Thánh Giuse và các nhân vật vĩ đại khác trong những lâm phàm trước kia. Hơn nữa, nàng nói rằng nàng đã thấy quanh y nhiều đấng tôn quý, trong đó có cả chính Đức Phật!

Such a statement is typical and most significant. Any Theosophist should know in a moment what to say to a statement like this; he would feel that, on the face of it, it is ridiculous. No doubt it is so from one point of view, but from another it is a very pitiable thing, because here is a really good person, earnest and devoted, who has actually believed this nonsense for apparently quite a long time, and is only now, because the creature worries him and is perpetually talking to him, beginning to doubt about it and to ask for advice. It is a sad thing that any member of our Society should know so little as that about such matters, and it certainly behoves all of us to try to understand something of the conditions in that life on the other side, so that we may not be deluded.

Một tuyên bố như thế là điển hình và rất có ý nghĩa. Bất kỳ một người Thông Thiên Học nào cũng nên biết ngay lập tức phải nói gì trước một tuyên bố như thế; y sẽ cảm thấy rằng, xét ngay bề mặt, nó thật nực cười. Không nghi ngờ gì, xét từ một góc độ, đúng là vậy; nhưng từ góc độ khác, đó là điều rất đáng thương, bởi vì đây là một người thật sự tốt, tha thiết và tận tâm, đã thực sự tin thứ nhảm nhí này dường như trong một thời gian khá dài, và chỉ bây giờ, vì con quái vật ấy quấy rầy y và suốt ngày nói với y, mới bắt đầu hoài nghi và xin lời khuyên. Thật buồn khi bất kỳ hội viên nào của Hội chúng ta lại biết quá ít về những việc như thế, và chắc chắn điều đó đòi hỏi tất cả chúng ta phải cố hiểu đôi chút về các điều kiện của đời sống ở bờ bên kia, để khỏi bị đánh lừa.

If any person came to us on the physical plane and made such a statement, we should say to him: “You must be under an illusion. These incarnations do not cohere; there are evident discrepancies; the story is impossible.” But the same person, or one at the same level, has only to speak or operate from the unseen side of

Nếu có ai đến với chúng ta ở cõi hồng trần và nói một điều như vậy, chúng ta sẽ bảo y: “Anh hẳn đang bị ảo giác. Những lâm phàm đó không ăn khớp; rõ ràng có những điểm bất nhất; câu chuyện là bất khả.” Nhưng cùng người đó, hoặc một người ở cùng trình độ, chỉ cần cất tiếng nói hay tác động từ phía vô hình

life, and at once people fall down before him and accept anything he may say. Is that reasonable? I do not mean that we must reject all advice that comes to us in that way, but we must use our own common sense, and treat it exactly as we should advice given by a stranger on the physical plane. It may be good, or it may not. We must be careful about all these things; there is no need to be afraid of them, but obviously we must not trust in them blindly merely because they come from the unseen world.

của sự sống, lập tức người ta sụp xuống trước y và chấp nhận bất cứ điều gì y nói. Như vậy có hợp lý không? Tôi không có ý bảo rằng chúng ta phải bác bỏ mọi lời khuyên đến với mình theo lối ấy, nhưng chúng ta phải dùng lương tri, và đối xử với nó chính xác như cách ta đối với lời khuyên của một người lạ ở cõi hồng trần. Nó có thể tốt, mà cũng có thể không. Chúng ta phải thận trọng với tất cả những điều này; không cần sợ hãi chúng, nhưng hiển nhiên không được tin mù quáng chỉ vì chúng đến từ cõi vô hình.

There are perhaps more communications from the dead coming into the world now than at any previous period of history of which we know. That is largely due to the Great War. So many people who were killed in that war quite reasonably and legitimately tried to communicate with relations and friends in this world, and they to a certain extent introduced a fashion, or at least spread abroad much more widely a custom which had previously existed in a small way. Of course they were not in the least to be blamed for that, nor can we blame their living relatives for wishing to know what they have to say; but the fact remains that it is not wise to accept as gospel all that dead people tell us, even if we have definitely established the fact that those who are speaking are our own relations. It is well to make sure of this last fact, for there have been cases of personation. Also, we must remember that our dead friend or relative does not necessarily know the whole of the astral world. He will tell you, no doubt, various interesting things about his surroundings, about the condition which he finds. Many books have been published—some of them very- striking books— containing communications of that kind—Sir Oliver Lodge's Raymond and Christopher, for example, and quite a number of others.

Có lẽ hiện nay có nhiều liên lạc từ người chết đến thế gian hơn bất kỳ thời kỳ lịch sử nào mà chúng ta biết. Điều đó phần lớn là do Đại Chiến. Quá nhiều người đã chết trong cuộc chiến ấy đã hoàn toàn hợp lý và chính đáng khi cố gắng liên lạc với thân nhân và bạn bè ở cõi này, và ở một mức độ nào đó họ đã đưa vào một "mốt", hay chí ít là phổ biến rộng rãi hơn một tập quán vốn trước đó chỉ tồn tại ở quy mô nhỏ. Dĩ nhiên họ không đáng bị khiển trách chút nào, cũng không thể trách thân nhân còn sống của họ vì mong muốn biết họ nói gì; nhưng thực tế vẫn là không khôn ngoan khi coi như chân lý tuyệt đối mọi điều người chết nói với chúng ta, cho dù chúng ta đã xác minh chắc chắn rằng những người đang nói chính là thân nhân của ta. Tốt là nên bảo đảm điều sau cùng này, vì đã có những trường hợp mạo danh. Đồng thời, chúng ta phải nhớ rằng người bạn hay thân nhân đã khuất của ta không nhất thiết biết toàn bộ cõi cảm dục. Y sẽ kể cho bạn nghe, không nghi ngờ gì, nhiều điều thú vị về hoàn cảnh xung quanh, về tình trạng mà y nhận thấy. Nhiều sách đã được xuất bản—một số là những cuốn rất đáng chú ý—chứa các liên lạc như thế—chẳng hạn Raymond và Christopher của Ngài Oliver Lodge, và khá nhiều cuốn khác.

Some of those communications contain many true statements, but these are often confused and intermingled with remarks which, if not actually inaccurate, are at least only locally applicable. It is just as if a visitor from another planet should suddenly arrive in this world. He might describe afterwards to his friends the place which he saw and the particular set of people who surrounded him, but he might be entirely ignorant of a hundred other parts of the world where conditions were very different; and if he judged the whole world from the one little place where he happened to come down, he might with the best intention give quite a wrong view of our earth. Even when we are sure that we are dealing with relations whom we know, we must still be cautious in accepting their impressions too readily, for they themselves may easily be deceived. They are living in a world where thought is all-powerful, and they see everything through the distorting glass of their own thoughts.

Một số những liên lạc đó chứa nhiều mệnh đề đúng, nhưng thường bị lẫn lộn và pha trộn với những nhận xét mà nếu không hẳn sai thì chí ít cũng chỉ áp dụng cục bộ. Điều đó giống như thể một lữ khách từ hành tinh khác bất chợt đáp xuống cõi đời này. Sau đó, y có thể mô tả cho bạn bè mình nơi y đã thấy và nhóm người cụ thể vây quanh y, nhưng y có thể hoàn toàn không biết đến hàng trăm vùng miền khác trên thế giới, nơi điều kiện rất khác; và nếu y đánh giá cả thế giới từ một chốn nhỏ nơi y tình cờ hạ xuống, y có thể, dù với thiện chí lớn nhất, vẫn đưa ra một cái nhìn hoàn toàn sai lệch về địa cầu của chúng ta. Ngay cả khi chúng ta chắc chắn rằng mình đang làm việc với những thân nhân mà ta biết rõ, chúng ta vẫn phải thận trọng khi tiếp nhận cảm tưởng của họ quá dễ dàng, vì chính họ cũng có thể rất dễ bị lừa dối. Họ đang sống trong một cõi nơi tư tưởng có quyền lực tối thượng, và họ nhìn mọi sự qua lăng kính méo mó của chính tư tưởng họ.

Even down here on the physical plane we often find that two people's descriptions of the same thing differ greatly. We may meet, let us say, two people living in the same neighbourhood, and we may enquire, with a view to settling there, what kind of a place it is. The account that each will give will be biased by his own particular experiences. One man may be looking, perhaps, for facilities for fishing. If there are no fish to be caught there, from his point of view the place is unsatisfactory, and he will speak unfavourably of it. Another will commend it because it is beautifully picturesque, or because he happens to have found there a house which suits him. Each man has a different point of view, and he decides that the whole neighbourhood is good or bad according to his personal predilection.

Ngay ở đây, cõi hồng trần, chúng ta thường thấy mô tả của hai người về cùng một sự việc khác nhau rất nhiều. Chúng ta có thể gặp, giả dụ, hai người sống cùng một khu, và chúng ta có thể hỏi thăm, với ý định dọn đến đó, rằng nơi ấy là một chỗ như thế nào. Bản tường trình của mỗi người sẽ bị thiên lệch bởi những trải nghiệm riêng. Một người có thể đang tìm, có lẽ, chỗ có điều kiện câu cá. Nếu ở đó không thể câu, từ quan điểm của y, nơi ấy là bất tiện, và y sẽ nói không hay về nó. Người khác sẽ khen ngợi vì phong cảnh tuyệt đẹp, hoặc vì tình cờ y tìm được ở đó một ngôi nhà hợp ý. Mỗi người có một quan điểm khác, và quyết định rằng cả khu vực là tốt hay xấu theo sở thích cá nhân của mình.

It is the same with the astral world. There are

Cõi cảm dục cũng vậy. Có nhiều phân khu của

many subdivisions of it—not only the sub-planes about which we have read, but all sorts of local cliques and coteries. People in the astral world herd together just as they do on the physical plane, and although locomotion is much easier there, men naturally keep with those who have similar tastes. If you consult the dead about their religious beliefs, as people often do, they will nearly always tell you that the belief which they held on earth was largely justified, although as a rule they have widened out a little. Whether they were Catholics, Episcopalians or Dissenters on earth, they will most likely congregate with friends of the same point of view in that other world, and so they will have their own ideas confirmed. So it does not follow that we have a full and correct account of anything from the dead, any more than we should in talking to people on the physical plane, even though they may be perfectly honest in their opinions.

nó—không chỉ các cõi phụ mà chúng ta đã đọc, mà còn đủ loại bè nhóm và hội nhóm địa phương. Người ở cõi cảm dục tụ tập với nhau giống như ở cõi hồng trần, và tuy sự di chuyển nơi đó dễ dàng hơn nhiều, con người vẫn tự nhiên ở cùng những người có thị hiếu tương đồng. Nếu bạn hỏi người chết về tín ngưỡng của họ, như người ta thường làm, họ gần như luôn nói rằng tín ngưỡng mà họ từng giữ khi ở trần gian về cơ bản đã được biện minh, mặc dù thường họ đã mở rộng ra đôi chút. Dù họ là người Công giáo, Anh giáo hay Bất đồng phái khi còn ở đời, rất có khả năng họ sẽ tụ họp với bạn bè cùng quan điểm ở thế giới kia, và như vậy họ sẽ được củng cố các ý tưởng của chính mình. Vì thế, không suy ra rằng chúng ta có một bản tường thuật đầy đủ và đúng đắn về bất cứ điều gì từ người chết, không hơn gì khi nói chuyện với người ở cõi hồng trần, cho dù họ có thể hoàn toàn thành thật trong quan kiến của mình.

There are entities in that other world who think it amusing to make fun of enquirers; those are mostly of the Nature-Spirit type, and we are more likely to find them at public seances than at those which are private. Still, even when the communicating entities are what they pretend to be, it does not follow that they are all-wise, although many people have a tendency to think they are. We must exercise our judgment about it, and we must not be led astray by the fact that a given phenomenon or experience happened especially to us. That is always a danger; there is a sort of subtle flattery about it. Some creature comes to us and announces himself as a Master, as the Mahachohan, as the Archangel Michael or Gabriel, or whatever exalted name happens to occur to him, and he tells each man who listens to him that he, the listener, is the only person in the world who is sufficiently in sympathy with him (the

Có những thực thể ở thế giới kia thấy thú vị khi trêu đùa những người đi hỏi; phần nhiều đó là loại Tinh linh Thiên nhiên, và chúng ta dễ gặp họ hơn tại các Buổi gọi hồn công khai so với các buổi riêng. Tuy vậy, ngay cả khi những thực thể liên lạc là đúng như họ xưng, cũng không suy ra rằng họ toàn tri, mặc dù nhiều người có xu hướng nghĩ như thế. Chúng ta phải vận dụng phán đoán, và không để bị lạc lối bởi sự kiện một hiện tượng hay trải nghiệm nào đó diễn ra riêng cho ta. Đó luôn là một nguy cơ; nó mang một dạng tâng bốc tinh vi. Một sinh thể nào đó đến với ta và xưng mình là một Vị Thầy, là Đức MahaChohan, là Tổng Thiên Thần Michael hay Gabriel, hoặc bất cứ danh hiệu tôn quý nào hiện ra trong đầu hắn, và hắn bảo mỗi người chịu nghe hắn rằng y, người nghe, là người duy nhất trên đời đủ tương thông với hắn (Tổng Thiên Thần) để làm kênh thích hợp; và rằng vì vậy hắn (Tổng Thiên Thần) sẽ biến thính giả thành khí cụ cho

Archangel) to be a suitable channel; and that therefore he (the Archangel) is going to make his auditor the instrument for a great work for the world. We of the Society are always looking for work to do, and we are quite right in that; but that very fact predisposes us to listen to this subtle form of flattery. We ought to know better than to be caught in so obvious a snare, but there are quite a number even of our members who will believe things spoken from the other side in a way which we should think the height of credulity down here; and the fact that so many of these astral communications are quite true, and agree with our Theosophical teaching, makes it all the more difficult for people to discriminate—to separate the statements which are worthy of attention from those which are not.

một công trình vĩ đại đối với thế gian. Chúng ta, những người trong Hội, lúc nào cũng tìm việc để làm, và điều đó hoàn toàn đúng; nhưng chính thực tế ấy khiến chúng ta dễ sẵn lòng lắng nghe kiểu tâng bốc tinh vi này. Chúng ta đáng lẽ nên hiểu biết hơn để khỏi sa vào một cạm bẫy hiển nhiên như thế, nhưng đã có khá nhiều người, ngay cả trong các hội viên của chúng ta, tin những điều nói từ bờ bên kia theo một cách mà ở đây chúng ta sẽ cho là tột đỉnh cả tin; và việc quá nhiều liên lạc cảm dục là hoàn toàn đúng và phù hợp với giáo lý Thông Thiên Học của chúng ta lại càng làm cho người ta khó phân biện—để tách những mệnh đề đáng lưu tâm khỏi những điều không đáng.

People in the other world often misunderstand its phenomena, just as ignorant people here misunderstand physical phenomena. For centuries the whole world (setting aside India and Egypt and possibly China, of whose condition at that time we do not know much), misunderstood the common solar phenomena, and supposed that the sun, the moon and the stars were all going round this particular insignificant speck of mud which we call earth. Now we know better, but it is only a very short time ago in the history of the world that the European nations at any rate discovered the truth. So they would have described all these matters quite wrongly if they had been asked about them by someone from another world. Just so, those who pass at death into the astral world often misunderstand the conditions around them; and then we in our turn often cannot understand the details which they give us, even when they are correctly described. We can understand a plane fully only when we are able to rise above it and look down on it from above.

Người ở thế giới kia thường hiểu lầm những hiện tượng của nó, cũng như những người thiếu hiểu biết ở đây hiểu lầm các hiện tượng hồng trần. Trong nhiều thế kỷ, cả thế giới (tạm bỏ qua Ấn Độ và Ai Cập và có lẽ cả Trung Hoa, mà tình trạng của họ vào thời ấy chúng ta không biết nhiều), đã hiểu sai các hiện tượng nhật thiên thường nhật, và cho rằng mặt trời, mặt trăng và các vì sao đều quay quanh hạt bùn nhỏ bé không đáng kể mà chúng ta gọi là trái đất. Nay chúng ta hiểu hơn, nhưng chỉ mới rất gần đây trong lịch sử thế giới, ít nhất là với các quốc gia châu Âu, chân lý mới được phát hiện. Vì vậy, nếu vào thời ấy có ai từ cõi khác đến hỏi, họ sẽ mô tả tất cả những điều này hoàn toàn sai lạc. Cũng thế, những người lìa đời bước vào cõi cảm dục thường hiểu nhầm những điều kiện quanh mình; rồi đến lượt chúng ta lại thường không hiểu nổi những chi tiết họ đưa ra, ngay cả khi chúng được mô tả đúng đắn. Chúng ta chỉ có thể hiểu trọn vẹn một cõi khi có thể vươn lên trên nó và nhìn xuống từ bên trên.

I think that those of you who may presently develop (as some of you have already done to some extent) the senses (it is one sense rather than many senses) by which we cognize the astral world, have a better chance of knowing the plane as a whole than the dead people who are confined to a small part of it. They are not confined in the sense that they are shut in, or that their movements are restricted, but that their lack of faculty restricts them. A person in the astral world can sense only that type of astral matter the vibrations of which he is able to receive, and because of the re-arrangement of this matter in his astral body after death, he is able to perceive only a small part of what is going on even close around him. If he is able to report to us, he will report that small part, and he will report it as if it were the whole, because that is all he knows; so we must not take all that he says for gospel. We have a better chance ourselves of being able to gain a general idea of the astral world than the average dead man has.

Tôi nghĩ rằng những ai trong các bạn sắp tới có thể phát triển (vì thật ra đó là một giác quan hơn là nhiều giác quan) các năng năng mà nhờ đó chúng ta nhận thức được cõi cảm dục, sẽ có cơ may hiểu cõi ấy như một tổng thể tốt hơn những người chết, vốn bị giới hạn trong một phần nhỏ của nó. Họ không bị giới hạn theo nghĩa bị giam hãm hay bị hạn chế di chuyển, mà bị giới hạn bởi sự thiếu năng lực của mình. Một người ở cõi cảm dục chỉ có thể cảm nhận loại chất liệu cảm dục có những rung động mà y có thể tiếp nhận, và bởi sự tái sắp xếp của chất liệu này trong thể cảm dục của y sau khi chết, y chỉ có thể tri nhận một phần nhỏ những gì đang diễn ra ngay gần bên. Nếu y có thể báo cáo lại cho chúng ta, y sẽ báo cáo phần nhỏ ấy, và y sẽ báo cáo như thể đó là toàn bộ, vì đó là tất cả những gì y biết; vì vậy chúng ta không được xem mọi điều y nói như chân lý tuyệt đối. Tự bản thân chúng ta có cơ may tốt hơn để có thể nắm được một ý niệm tổng quát về cõi cảm dục so với người chết trung bình.

I am not for a moment denying that sometimes useful information has been communicated from the unseen world. I have read in books of quite a number of valuable facts being given by dead people to the living; indeed, I happen to know personally of one or two such cases. For example, many years ago, when General Drayson and I were fellow-members of the London Lodge, he received from some dead astronomer an exceedingly valuable statement about what is called the second rotation of the earth. The demonstration which he was able to give of the truth of this motion was beyond any possible doubt, and he tried to put the case before the public. I must say he put it very badly, for he had not the gift of expression. He wrote some books about it which are so dull and technical that no one reads them, and that is a great pity, because a valuable fact is

Tôi không hề phủ nhận rằng đôi khi có những thông tin hữu ích đã được truyền đạt từ cõi vô hình. Tôi đã đọc trong sách vở khá nhiều trường hợp những sự kiện quý giá được người chết truyền cho người sống; thực vậy, bản thân tôi tình cờ biết một hai trường hợp như thế. Chẳng hạn, nhiều năm về trước, khi Tướng Drayson và tôi cùng là hội viên của Chi bộ London, ông đã nhận được từ một nhà thiên văn đã khuất một mệnh đề cực kỳ giá trị về cái gọi là chuyển động quay thứ hai của Trái Đất. Chứng minh mà ông có thể đưa ra về tính chân thực của chuyển động này vượt ngoài mọi hoài nghi có thể có, và ông đã cố trình bày vấn đề trước công chúng. Tôi phải nói rằng ông trình bày rất tệ, vì ông không có năng lực diễn đạt. Ông đã viết vài cuốn sách về đề tài ấy khô khan và kỹ thuật đến mức chẳng ai đọc, và đó là điều rất đáng tiếc, vì trong đó ẩn tàng một sự kiện quý giá. Nhờ liên lạc mà

enshrined in them. He was able by means of this communication which he received to make astronomical calculations both forwards in time and backwards in time, far more accurately then they can be made by the ordinary methods. In certain cases one has to make unexplained allowances in order to bring the calculations to tally with the facts. In Drayson's system that is unnecessary, because it works out accurately, which is an absolute proof; but no one would pay any attention to him because of the unfortunate way in which he put his statements. Still, there was a really useful scientific fact which came to us from that unseen world; no doubt some dead astronomer had discovered it, (for naturally scientific men continue their studies as far as they can in the next world), and he came across this fact and communicated it.

ông nhận được, ông có thể thực hiện các phép tính thiên văn cả xuôi dòng thời gian lẫn ngược dòng thời gian, chính xác hơn nhiều so với cách phương pháp thông thường. Trong một số trường hợp, người ta phải có những hiệu chỉnh không giải thích được để làm cho phép tính khớp với thực tế. Trong hệ thống của Drayson điều đó không cần thiết, vì nó cho ra kết quả chính xác, và đó là một bằng chứng tuyệt đối; nhưng không ai chịu chú ý đến ông do cách trình bày đáng tiếc của ông. Tuy thế, ở đây có một sự kiện khoa học thật sự hữu ích đã đến với chúng ta từ cõi vô hình; hẳn là một nhà thiên văn đã khuất nào đó đã khám phá nó (bởi tự nhiên, những người làm khoa học vẫn tiếp tục việc học hỏi của họ trong thế giới kế tiếp, chừng nào còn có thể), và ông ta đã gặp được sự kiện ấy và truyền đạt nó.

Also there was the case of the great philologist Terrien de la Couperie, who wrote a great deal about the Chinese. I understand that from the unseen world an important fact about their early history was conveyed to him. He was the first, so far as I know, to promulgate the idea that the Chinese nation arose originally from a colony coming from Bactria, which afterwards spread all over that part of the world. There was an important fact, and it is said that it was communicated in that way. So sometimes quite useful fragments of information have been given, but we must not assume that all information coming in that way is equally valuable; that simply is not so.

Cũng có trường hợp của nhà ngôn ngữ học lớn Terrien de la Couperie, người đã viết rất nhiều về người Trung Hoa. Tôi được hiểu rằng từ cõi vô hình đã có một sự kiện quan trọng về buổi đầu lịch sử của họ được chuyển đến cho ông. Theo tôi biết thì ông là người đầu tiên đề xướng ý tưởng rằng dân tộc Trung Hoa khởi nguyên từ một thuộc địa đến từ Bactria, rồi sau đó lan tỏa khắp vùng ấy. Ở đây là một sự kiện quan trọng, và người ta nói nó đã được truyền theo cách ấy. Vậy nên đôi khi có những mảnh thông tin khá hữu ích được đưa ra, nhưng chúng ta không được cho rằng mọi thông tin đến theo lối ấy đều có giá trị ngang nhau; đơn giản là không phải vậy.

Another case is that of a book written by a certain Mr. Babbitt in America, called The Principles of Light and Colour. He is rather fantastic in many ways, but we find a number of statements in that book which are true, and I am told that he received them all in some way (I do not know in what way exactly),

Một trường hợp khác là một cuốn sách do một ông Babbitt ở Mỹ viết, nhan đề Những Nguyên Lý của Ánh sáng và Màu sắc. Ông khá kỳ khôi ở nhiều phương diện, nhưng chúng ta tìm thấy trong cuốn sách đó khá nhiều mệnh đề chân thực, và tôi được biết rằng ông nhận được tất cả những điều đó bằng cách nào đó (tôi

through spiritualistic influence, inspiration, or teaching. For one thing, he was the first man, so far as we know, to depict a physical ultimate atom. We find a drawing of it in his book which very closely corresponds to that which our President and I made nearly twenty years later. I think his book was published in 1878 or thereabouts, whereas our first attempt at occult chemistry was in 1895. You will see that his drawing of the atom is practically correct. There are a great many other statements which he makes about it which we have not been able to verify so far. He represents atoms as actually touching one another, and in various ways he puts them into combinations which I should think from our own observation would be impossible. We find atoms always floating with a certain amount of space round them; but the fact remains that whoever communicated with him gave him the real shape of the atom as a kind of spiral, wire-like body.

không biết chính xác bằng cách nào), qua ảnh hưởng đồng cốt, cảm hứng, hay sự chỉ dạy từ linh giới. Chẳng hạn, ông là người đầu tiên, theo như chúng ta biết, phác họa một nguyên tử tối hậu ở cõi hồng trần. Chúng ta thấy một hình vẽ của nó trong sách ông, rất gần với hình mà Chủ tịch của chúng tôi và tôi đã thực hiện gần hai mươi năm sau. Tôi nghĩ sách của ông xuất bản khoảng năm 1878 hoặc xấp xỉ, trong khi nỗ lực đầu tiên của chúng tôi về hóa học huyền bí là năm 1895. Các bạn sẽ thấy hình vẽ của ông về nguyên tử hầu như là đúng. Có khá nhiều mệnh đề khác mà ông đưa ra về nó mà cho đến nay chúng tôi chưa thể kiểm chứng. Ông trình bày các nguyên tử như thực sự chạm vào nhau, và bằng nhiều cách ông ghép chúng thành những tổ hợp mà tôi nghĩ theo quan sát của chúng tôi là bất khả. Chúng tôi luôn thấy các nguyên tử trôi nổi với một khoảng không gian quanh chúng; nhưng sự thật là bất cứ ai đã liên lạc với ông cũng đã cho ông hình dạng thật của nguyên tử như một thứ thể dạng dây xoắn, giống như sợi dây xoắn ốc.

It is not very likely that a scientific man carrying on his work in the higher world would communicate through the average medium. I do not mean anything disparaging when I say that the average medium is not as a rule a specially intellectual person. One who is very keenly intellectual would be unlikely to be a good medium, because the strong vibrations of the intellect would rather repel the astral vibrations. It is not actually the thoughts that would repel; but the corresponding vibrations which they would arouse in the astral world would be out of tune with those of the average medium, and consequently it is not likely that scientific facts of great importance will often be given through such a medium. The scientist could more readily make a mental impression upon some intellectul person who already knew

Khó có khả năng một nhà khoa học đang tiếp tục công việc của mình ở cõi cao hơn lại liên lạc qua một đồng tử trung bình. Tôi không có ý chê bai gì khi nói rằng đồng tử trung bình thường không phải là người đặc biệt trí thức. Một người cực kỳ sắc bén về trí tuệ thường không thể là một đồng tử giỏi, bởi các rung động mạnh mẽ của trí tuệ có xu hướng đẩy lùi các rung động cảm dục. Không phải chính những tư tưởng ấy đẩy lùi; mà là những rung động đối ứng mà chúng khơi dậy ở cõi cảm dục sẽ bất tương ứng với những rung động của đồng tử trung bình, và do đó khó có khả năng các sự kiện khoa học có tầm quan trọng lớn sẽ thường xuyên được đưa ra qua một đồng tử như thế. Nhà khoa học có thể dễ dàng hơn khi gây ấn tượng trí tuệ lên một người trí thức nào đó đã biết chút ít về đề tài của mình. Những ai trong chúng ta đi lại khá tự do ở cõi cảm dục

something about his subject. Those of us who move about quite freely in the astral world presently come to be known there, and we are often accosted by people who have ideas which they wish to ventilate on the physical plane.

dần dần sẽ trở nên được biết đến nơi đó, và chúng ta thường được những người có ý tưởng muốn trình bày ở cõi hồng trần đến bắt chuyện.

It is now just as in days of old. You remember the story of Dives and Lazarus in the Bible—how Dives said he wanted Lazarus sent back to his brethren to warn them, so that they might live differently. And the answer was: "They have Moses and the prophets; they ought to know all about it; why do not they read them? "Nay," Dives said, "but if one came back from the dead they would listen to him." And the reply was: "If they hear not Moses and the prophets, neither will they believe even though one rose from the dead." That is absolutely true. The man who is what we call dead knows the reality of that other life, and he feels: "If I had only known this before, how differently I should have lived "; and he expects that every one will be influenced by what he says, forgetting that such communications have come to the world over and over again, and that very few people have taken warning thereby—forgetting even perhaps, that he himself while on earth may have heard or read of such messages, and ridiculed the idea that they could possibly be true or important.[1]

Bây giờ cũng như thuở xưa. Các bạn nhớ câu chuyện về Dives và Lazarus trong Kinh Thánh —cách Dives nói y muốn Lazarus được sai quay lại với các huynh đệ của y để cảnh báo họ, hầu họ sống khác đi. Và câu trả lời là: "Họ đã có Môi-se và các nhà tiên tri; họ đáng phải biết hết thảy về điều đó; cớ sao họ không đọc?" "Không," Dives nói, "nhưng nếu có người trở lại từ cõi chết, họ sẽ lắng nghe." Và đáp lại là: "Nếu họ không nghe Môi-se và các nhà tiên tri, thì dẫu có người từ cõi chết sống lại, họ cũng chẳng tin." Điều đó hoàn toàn đúng. Người mà chúng ta gọi là đã chết biết được thực tại của đời sống ở bờ bên kia, và y cảm thấy: "Giá như ta biết điều này trước đây, hẳn ta đã sống khác đi"; và y mong rằng mọi người sẽ bị ảnh hưởng bởi điều y nói, quên rằng những liên lạc như vậy đã đến với thế gian hết lần này đến lần khác, và rất ít người chịu răn; thậm chí quên cả việc bản thân y khi còn sống có thể đã nghe hoặc đọc về những thông điệp như vậy, và nhạo báng ý nghĩ rằng chúng có thể là chân thật hay quan trọng.

One needs to know the history of spiritual communications in order to be able to appreciate them at their right value. Mostly they are of that personal nature which I described, telling the recipient that he is a very great person, and that the spirits want to work

Người ta cần biết lịch sử của các liên lạc từ linh giới để có thể đánh giá chúng đúng mức. Phần nhiều chúng có tính cá nhân theo kiểu tôi đã mô tả, bảo người nhận rằng y là một nhân vật vĩ đại, và rằng các linh muốn làm việc qua y. Đôi khi chúng đưa ra những cách ngôn hữu

[1] Spirits to-day, in order to carry more weight, do not claim to be angels or even Masters. Their latest fashion is to announce themselves as Mr. Krishnamurti, and in the Americas, as H.P.B. —C. J.

through him. Sometimes they give very useful apophthegms; they are mostly of the copy-book nature. “Be good and you will be happy”; “Evil communications corrupt good manners”; and so on, There is no harm in this, because people have read such things in their copybooks when they were children, and have promptly forgotten them. But apparently if a dead person writes such a maxim through the planchette, they take it as a personal message, and begin to take notice of it. I can only say: “If that is the only way in which it is possible to make people accept and live up to dicta of that sort, then let us have them written in that way by all means!”

ích; phần lớn là những câu kiểu vở tập viết. “Hãy sống tốt và bạn sẽ hạnh phúc”; “Giao thiệp xấu làm hư đốn nết na”; v.v. Điều này không hại gì, bởi người ta đã đọc những điều như vậy trong vở tập viết khi còn nhỏ, rồi lập tức quên mất. Nhưng dường như nếu một người chết viết ra một châm ngôn như thế qua bảng cầu cơ, họ bèn coi đó như một thông điệp cá nhân và bắt đầu lưu tâm. Tôi chỉ có thể nói: “Nếu đó là cách duy nhất có thể khiến người ta chấp nhận và sống theo những lời răn như thế, vậy thì cứ để chúng được viết ra theo cách ấy đi!”

But they so often go beyond the copy-book apophthegm, and begin to give private personal advice. Mostly they mean well, I am sure; yet often it would not be wise to accept it; the recipient must exercise his own judgment, which is in all probability just as good as that of the dead man. After a man has been dead for twenty or thirty years, he ought to know more, but it does not follow that he does. Many people live here on the physical plane for fifty or sixty years, and learn remarkably little; so we cannot expect them to be much wiser now. We should listen to what they have to say and weigh it, as we should weigh physical-plane advice; but we should not be unduly influenced because the man happens to be dead. And when they begin to flatter us, we had better beware. When they begin to tell us that we are the only persons in the world who can do this or that, it is time to be cautious. I know it is a fascinating idea to be told that one is the only channel in the whole world for the Mahachohan or for some great Power; but, you know, it has happened so often before! If only those to whom these things come would read the published literature on the subject, and so find out how many other great Beings have purported to

Nhưng chúng thường đi xa hơn những châm ngôn kiểu vở tập viết, và bắt đầu đưa ra lời khuyên cá nhân riêng tư. Phần lớn, tôi tin là họ có thiện chí; tuy thế thường không khôn ngoan để chấp nhận; người nhận phải vận dụng phán đoán của chính mình, điều này rất có khả năng cũng tốt như của người chết. Sau khi một người đã lìa đời hai mươi hay ba mươi năm, y đáng lẽ phải biết nhiều hơn, nhưng không phải vì thế mà y sẽ biết hơn. Nhiều người sống ở cõi hồng trần năm mươi hay sáu mươi năm mà học được rất ít; vậy chúng ta không thể mong họ khôn ngoan hơn bây giờ. Chúng ta nên lắng nghe những gì họ nói và cân nhắc, như ta vẫn cân nhắc lời khuyên ở cõi hồng trần; nhưng đừng để bị ảnh hưởng quá mức chỉ vì người nói tình cờ là người chết. Và khi họ bắt đầu tâng bốc ta, tốt hơn hết là hãy đề phòng. Khi họ bắt đầu nói rằng ta là người duy nhất trên đời có thể làm điều này hay điều kia, là lúc nên thận trọng. Tôi biết đó là một ý nghĩ mê hoặc khi được bảo rằng mình là kênh duy nhất trong toàn thế giới cho Đức MahaChohan hoặc cho một Quyền Lực vĩ đại nào đó; nhưng, các bạn biết đấy, điều này đã xảy ra quá nhiều lần rồi! Giá như những người nhận những điều này chịu đọc các tài liệu đã xuất bản về chủ đề đó, và nhờ vậy biết bao

communicate through very commonplace people, they would learn not to believe so easily.

nhiêu Đấng vĩ đại khác đã từng được cho là liên lạc qua những con người rất tầm thường, hẳn họ đã biết không nên tin dễ dàng như thế.

We must remember that even members of the Theosophical Society are mostly still quite ordinary people! I mean that we are not distinguished beyond the rest of the world for our intellectual capacities; we are not more spiritual than many people in any one of the great religions. We shall find men just as spiritually minded, as unselfish and as devoted outside the Society as in it. We should be wise to take the advice given in that sentence in one of our books: "Do not too soon begin to think yourself different from others." Most of us are just ordinary, everyday specimens of the humanity of our time. That being so, why are we selected to receive this great revelation of Theosophy, singled out, as it were, by the Masters?

Chúng ta phải nhớ rằng ngay cả hội viên của Hội Thông Thiên Học cũng phần nhiều vẫn chỉ là những người bình thường! Ý tôi là chúng ta không nổi trội hơn phần còn lại của thế gian về năng lực trí tuệ; chúng ta không tinh thần hơn nhiều người trong bất kỳ tôn giáo lớn nào. Chúng ta sẽ tìm thấy những người cũng tinh thần không kém, cũng vô kỷ và tận hiến như thế bên ngoài Hội cũng như trong Hội. Chúng ta nên khôn ngoan để tiếp thu lời khuyên trong một câu ở một trong những cuốn sách của chúng ta: "Đừng quá sớm bắt đầu nghĩ mình khác biệt với người khác." Phần lớn chúng ta chỉ là những mẫu người bình thường, hằng ngày của nhân loại thời mình. Như vậy, cớ gì chúng ta lại được chọn để tiếp nhận mặc khải vĩ đại của Thông Thiên Học, dường như được các Chân sư ưu ái?

An outsider might say: "But first of all, are you so chosen out? How do you know that?" We say (and we know what we are saying) that in the case of spiritualists, the spirits who communicate with them frequently do select high-sounding names to which they have no right. They pretend to be Julius Caesar, or Paracelsus, or Shakespeare, or any other great name in history which happens to occur to them. We know, those of us who have had experience in astral work, that such pretensions are common. Many spiritualists accept these extravagant claims; but the more advanced spiritualists do not. They know quite well that the assumption of great names is only a way to secure a hearing which otherwise such ordinary entities would not obtain. But spiritualists sometimes say to us, (I have had it said to me): "But surely you Theosophists are in exactly the same position, except that the spirits who come to you pose

Một người ngoài cuộc có thể nói: "Nhưng trước hết, có thật các ông được chọn riêng ra không? Làm sao biết điều đó?" Chúng ta nói (và chúng ta biết mình đang nói gì) rằng trong trường hợp những người cầu hồn, các linh thường chọn những danh xưng kêu vang mà họ không có quyền dùng. Họ giả xưng là Julius Caesar, hay Paracelsus, hay Shakespeare, hay bất cứ tên tuổi lớn nào trong lịch sử chợt thoáng qua. Chúng ta biết, những ai từng có kinh nghiệm trong công tác cảm dục, rằng những sự tự xưng như thế rất phổ biến. Nhiều nhà cầu hồn chấp nhận những đòi hỏi phóng đại ấy; nhưng những nhà cầu hồn tiến bộ hơn thì không. Họ biết rất rõ rằng việc mượn đại danh chỉ là cách giành được sự lắng nghe mà nếu không thì những thực thể tầm thường ấy sẽ không có. Nhưng đôi khi những người theo cầu hồn nói với chúng ta (tôi đã từng được nói như vậy): "Nhưng chắc chắn các ông, những người Thông Thiên Học, ở đúng cùng một vị thế,

as Mahatmas or Masters; how do you know that you are not being deluded by such a personation, exactly as the more ignorant among us have been deluded by personations of St. John the Divine or of the Blessed Virgin or of the Archangel Raphael?"

ngoại trừ việc các linh đến với các ông đóng vai các Mahatma hay các Chân sư; làm sao các ông biết rằng các ông không bị đánh lừa bởi một sự mạo danh như thế, y hệt như những người kém hiểu biết trong chúng tôi đã bị lừa bởi những mạo danh thánh Gioan Thánh Sử hay Đức Trinh Nữ Diễm Phúc, hoặc Tổng Thiên Thần Raphael?"

I suppose we are bound to admit that from their point of view there is such a possibility. But while that might perhaps with a certain show of reason be urged about some of our members who have had little or no personal experience, it does not impress itself as probable upon the older students. In my own case, it is forty-six years now since I first saw personally some of the Masters of the Wisdom. Daring all that time I have constantly been in communication with Them. Their speech and Their teaching have been among the facts of my daily life the whole time, and all that while what They have said and done has been entirely consistent with Themselves. I have been, though in the astral body, to Their houses. I have been in the physical body in the house of one of Them who lives in a more accessible place than most, and seen Him in the physical body. I have met another also in the physical body, and walked and talked with Him. If that is an illusion, then the whole of life is illusion as well.

Tôi cho rằng chúng ta buộc phải thừa nhận rằng từ quan điểm của họ, có một khả năng như thế. Nhưng trong khi điều đó có thể, với một vẻ nào đó là hợp lẽ, được viện dẫn đối với một số hội viên của chúng ta—những người ít nhiều chưa có trải nghiệm cá nhân—thì nó không gây ấn tượng là có khả năng đối với các môn sinh lão luyện hơn. Riêng trường hợp tôi, đã bốn mươi sáu năm kể từ khi tôi lần đầu tiên trực kiến một vài vị trong số các Chân sư của Minh Triết. Suốt thời gian ấy tôi thường xuyên ở trong liên lạc với Các Ngài. Lời dạy và Lời nói của Các Ngài là những sự kiện trong đời sống thường nhật của tôi suốt bấy nhiêu năm, và bấy lâu nay mọi điều Các Ngài nói và làm đều hoàn toàn nhất quán với chính Các Ngài. Tôi đã, dù bằng thể cảm dục, đến nhà của Các Ngài. Tôi đã, bằng thể xác, đến nhà của một trong Các Ngài—vị cư ngụ ở nơi dễ tiếp cận hơn đa số—và thấy Ngài trong thể xác. Tôi cũng đã gặp một vị khác trong thể xác, và cùng đi, cùng trò chuyện với Ngài. Nếu đó là ảo giác, thì cả cuộc đời này cũng là ảo giác.

Of course that is quite arguable; there are philosophers who hold that everything is illusion. We can only say that our knowledge of these Masters is just as much and just as little an illusion as our acquaintance with any of our members. I may be deluded when I think that I sit here and write, and you may be deluded when you think that you sit there and read what I have written. If that be so, the Masters may be part of the same illusion. But

Dĩ nhiên điều đó hoàn toàn có thể tranh luận; có những triết gia cho rằng mọi sự đều là ảo. Chúng ta chỉ có thể nói rằng sự biết của chúng ta về các Chân sư là ảo bao nhiêu thì cũng như mối quen biết của chúng ta với bất kỳ hội viên nào khác là ảo bấy nhiêu. Tôi có thể đang bị lừa khi nghĩ rằng tôi ngồi đây và viết, và bạn có thể đang bị lừa khi nghĩ rằng bạn ngồi kia và đọc điều tôi đã viết. Nếu như vậy, thì các Chân sư cũng có thể là một phần của cùng ảo giác ấy.

since that illusion has been absolutely coherent for so many years and has had nothing but a good effect in every way, since They have helped us in so many ways, since They have given us most valuable teaching, much of which we have learnt to corroborate by our own investigations and by our own experiences—I say if that be an illusion, I do not object to it. But if there is anything at all in this world or any other which is real, then our Masters also are real, and our life in connection with Them is also real.

Nhưng vì ảo giác đó đã hoàn toàn nhất quán suốt bao năm và chỉ mang lại ảnh hưởng tốt đẹp trên mọi phương diện, vì Các Ngài đã giúp chúng ta bằng quá nhiều cách, vì Các Ngài đã ban cho chúng ta những lời dạy vô cùng quý báu, mà phần lớn chúng tôi đã học được cách kiểm chứng bằng những khảo sát và trải nghiệm của chính mình—tôi nói nếu đó là ảo giác, thì tôi cũng chẳng phản đối. Nhưng nếu có bất cứ điều gì trên thế giới này hay bất cứ thế giới nào khác là thực, thì các Chân sư của chúng ta cũng là thực, và đời sống của chúng ta trong mối liên hệ với Các Ngài cũng là thực.

Their teaching is quite a different thing from the kind of communication which comes usually through spiritualism. Some of the highest spiritualistic teaching approaches it. I knew Mr. Stainton Moses in London long ago; he was the editor of Light, and was one of the most intellectual spiritualists I ever knew.

Lời dạy của Các Ngài hoàn toàn khác với loại liên lạc thường đến qua con đường cầu hồn. Một số lời dạy cao nhất trong giới cầu hồn thì gần tiếp cận điều đó. Tôi từng quen Ông Stainton Moses ở London lâu rồi; ông là chủ bút tạp chí Light, và là một trong những người theo cầu hồn trí thức nhất mà tôi từng biết.

He undoubtedly came into communication with some great person who taught him under the name of Imperator. The teaching which he gave was of a high character, and much of it was quite correct and very beautiful. That is often so with spiritualistic teaching, but unfortunately it is not all of that nature, so we must discriminate.

Không nghi ngờ gì, ông đã liên lạc được với một vị vĩ đại nào đó, người dạy ông dưới danh xưng Imperator. Lời dạy ông truyền đạt có phẩm chất cao, và phần nhiều là hoàn toàn đúng và rất đẹp. Điều đó thường thấy với lời dạy qua cầu hồn, nhưng tiếc rằng không phải tất cả đều thuộc loại như thế, nên chúng ta phải biết phân biện.

When the question is raised as to whether our Masters select us, I think we are justified in answering it in the affirmative; and since They do, and since we are nevertheless all ordinary people, it is obviously not for our gigantic intellect; it is not for our high spirituality; it is not for our pure unselfishness. All of us have something, I hope, of those characteristics, but there are undoubtedly people in the world who excel us along one or other of these lines, and yet who are not Theosophists. How is that? Why has this magnificent knowledge and the opportunity

Khi câu hỏi được nêu ra rằng liệu các Chân sư của chúng ta có chọn chúng ta hay không, tôi nghĩ chúng ta có cơ sở để trả lời khẳng định; và bởi vì Các Ngài có chọn, mà chúng ta dẫu sao vẫn chỉ là những con người bình thường, thì rõ ràng điều đó không phải vì trí tuệ vĩ đại của chúng ta; không phải vì tinh thần cao cả của chúng ta; cũng không phải vì sự vị tha thuần khiết của chúng ta. Tất cả chúng ta, tôi hy vọng, đều có phần nào các phẩm chất ấy, nhưng chắc chắn có những người trên thế giới trội hơn chúng ta ở phương diện này hay phương diện khác, thế mà họ lại không phải là

of knowing these great truths come to us and not to other people? It can be only because we have deserved it, for the world exists under a Divine Law of perfect justice. But how have we deserved it? It is not for our transcendent development along any line; then why is it?

những người Thông Thiên Học. Tại sao vậy? Vì sao tri thức trác tuyệt này và cơ hội được biết những chân lý vĩ đại ấy đến với chúng ta mà không đến với người khác? Chỉ có thể vì chúng ta đã xứng đáng, vì thế giới vận hành dưới một Định luật thiêng liêng của công bằng tuyệt đối. Nhưng chúng ta đã xứng đáng bằng cách nào? Không phải vì chúng ta vượt trội siêu việt ở bất cứ tuyến phát triển nào; vậy thì vì sao?

We can say only this. Every man receives that which he has sought and has deserved. We see instances of that when we are able to look back along a line of lives. We may see a case of a person who has been deeply interested in art, but has had absolutely no opportunity of developing his own faculty in that line. He may have had a great love for drawing or painting, yet he himself may have been quite unable to draw or to paint. Such a man will receive the reward of his interest in art. It is more accurate to say that the force which he has put out in trying to understand and appreciate art, the amount of love of art which he has poured out, receives its result in the next life in faculty. He finds himself then able to draw or to paint with great facility; his desire has brought about its natural result in that next life.

Chúng ta chỉ có thể nói thế này. Mỗi người nhận được điều mình đã kiếm tìm và đã xứng đáng. Chúng ta thấy những minh chứng cho điều đó khi có thể nhìn lại dọc theo một chuỗi kiếp sống. Ta có thể thấy một trường hợp một người rất say mê nghệ thuật, nhưng tuyệt nhiên không có cơ hội phát triển khả năng của mình theo hướng ấy. Người ấy có thể có tình yêu lớn lao với vẽ hay hội họa, thế mà tự y lại không thể vẽ hay tô vẽ. Một người như thế sẽ nhận phần thưởng cho niềm quan tâm của mình đối với nghệ thuật. Nói chính xác hơn, mãnh lực mà y đã phát ra khi cố gắng thấu hiểu và thưởng ngoạn nghệ thuật, lượng tình yêu dành cho nghệ thuật mà y đã tuôn đổ, sẽ kết thành kết quả trong kiếp sau dưới dạng năng lực. Y sẽ thấy mình khi ấy có thể vẽ hay tô vẽ với sự thành thục lớn lao; ước nguyện của y đã đưa tới kết quả tự nhiên trong kiếp kế tiếp.

If you apply that idea to your own case, I think we must suppose that we are all of us people who in a previous life, or perhaps in several previous births, have been interested in this inner side of life. We have sought to know and sought to understand, and as a result of such seeking we now find ourselves in a position to satisfy that wish.

Nếu áp dụng ý niệm đó vào trường hợp của chính mình, tôi nghĩ chúng ta hẳn phải cho rằng tất cả chúng ta đều là những người mà ở một tiền kiếp, hoặc có thể trong nhiều lần sinh trước, đã quan tâm đến mặt nội tại của sự sống này. Chúng ta đã kiếm tìm để biết và kiếm tìm để thấu hiểu, và như là kết quả của sự kiếm tìm ấy, giờ đây chúng ta thấy mình ở vị thế có thể thỏa mãn ước nguyện đó.

There may be other contributory reasons. You may remember that in Oriental books we are told that there are four reasons, any one of which may bring a man to the

Có thể có những lý do phụ trợ khác. Quý vị có thể nhớ rằng trong các sách phương Đông người ta nói với chúng ta rằng có bốn lý do, bất kỳ lý do nào trong đó cũng có thể đưa một

commencement of the path of development. First, by being in the presence of, and coming to know, those who are already interested along that line. Suppose some of us were monks or nuns in the Middle Ages. We might have come into contact in that life with an abbot or an abbess who had deep experience of the inner world— a person like St. Theresa, for example. We might, looking up to that leader, have earnestly wished that such experiences should come to us; and our wishing for that might have been quite unselfish. It might be that we did not think of any importance that might come to us, or of the satisfaction of achievement, but simply of the joy of helping others, as we saw the abbot able to help others through his deeper discernment. Such a feeling would certainly bring us in the next incarnation into touch with teaching on the subject.

người đến khởi điểm của Thánh Đạo tiến hoá. Trước hết, bằng cách ở trong sự hiện diện của, và làm quen với, những người đã quan tâm theo hướng đó. Hãy giả sử một số chúng ta từng là tu sĩ nam hay nữ trong Thời Trung Cổ. Trong kiếp ấy ta có thể đã tiếp xúc với một viện phụ hoặc viện mẫu có kinh nghiệm sâu xa về thế giới nội giới—chẳng hạn một người như Thánh Theresa. Chúng ta có thể, ngưỡng mộ vị dẫn dắt ấy, đã thiết tha ước những kinh nghiệm như thế sẽ đến với mình; và ước muốn ấy có thể hoàn toàn vô vị kỷ. Có thể ta đã không nghĩ đến bất kỳ tầm quan trọng nào có thể đến với bản thân, hay sự thỏa mãn của thành tựu, mà chỉ nghĩ đến niềm vui phụng sự tha nhân, như ta thấy vị viện phụ có thể giúp người khác nhờ khả năng phân biện sâu xa của ông. Một cảm thức như thế chắc chắn sẽ đưa ta, trong lần lâm phàm kế tiếp, đến chỗ tiếp xúc với giáo huấn về đề tài này.

It happens that, in lands which have European culture, almost the only way in which we can have the inner teaching put clearly before us is by coming into the Theosophical Society, or by reading Theosophical works. There have been mystical and spiritualistic works which have given some information, which have gone a long way, but there are none (so far as I know) which state the case so clearly, so scientifically as the Theosophical books have done. I know of no other book which contains such a wealth of information as The Secret Doctrine. There are, of course, the sacred books of the Hindus and of other nations, and indeed there is a great deal in those sacred books, but it is not put in a way which makes it easy for us, with our training, to assimilate it or to appreciate it.

Sự tình là, ở các xứ sở có văn hóa Âu châu, gần như cách duy nhất mà chúng ta có thể có giáo huấn nội môn được trình bày minh bạch trước mắt là bằng cách gia nhập Hội Thông Thiên Học, hoặc đọc các tác phẩm Thông Thiên Học. Vẫn có những tác phẩm thần bí và thần linh học đã cung cấp một số thông tin, đã đi khá xa, nhưng không có tác phẩm nào (theo tôi biết) trình bày vấn đề minh bạch, khoa học như những sách Thông Thiên Học đã làm. Tôi không biết quyển nào khác chứa đựng kho tàng thông tin phong phú như Giáo Lý Bí Nhiệm. Dĩ nhiên có các thánh thư của Ấn Độ giáo và của các dân tộc khác, và thực sự là có rất nhiều điều trong các thánh thư ấy, nhưng chúng không được trình bày theo lối khiến chúng ta, với nền đào luyện của mình, dễ dàng tiếp thu hay thưởng thức.

When, having read Theosophical books, we take up some of those beautiful translations of Oriental books, we can see our Theosophy in them. We may take the Christian Bible,

Khi, sau khi đọc các sách Thông Thiên Học, chúng ta tiếp cận một vài bản dịch tuyệt đẹp các sách phương Đông, chúng ta có thể thấy Thông Thiên Học của mình ở trong đó. Ta có

though that is in many places not well translated from our point of view, and we shall find a great deal of Theosophy in that; but I have not discovered many Christians who have found out the Theosophical teaching from the Bible without any exterior help, because they do not know, when they take up the Bible without previous instruction, which of the texts are of real value from the Theosophical point of view and which are not. But when we have first learnt our Theosophy, we can at once point out what must be mistranslations. We should not have been able to comprehend much of that biblical teaching if we had not had the Theosophical instruction first. People have been reading the Bible for hundreds of years, but few have extracted much Theosophy from it; and yet there are many texts in it which can be rationally interpreted only by means of the Eastern Wisdom.

thể đọc Kinh Thánh Cơ Đốc, dẫu rằng ở nhiều chỗ, theo quan điểm của chúng ta, bản dịch không được tốt, và ta sẽ thấy rất nhiều Thông Thiên Học ở đó; nhưng tôi chưa gặp được nhiều người Cơ Đốc đã tự mình tìm ra giáo huấn Thông Thiên Học từ Kinh Thánh mà không có sự trợ giúp bên ngoài, bởi vì khi cầm Kinh Thánh lên mà không có chỉ dẫn trước, họ không biết những đoạn nào thực sự có giá trị theo quan điểm Thông Thiên Học và những đoạn nào thì không. Nhưng khi chúng ta đã học Thông Thiên Học trước, ngay lập tức chúng ta có thể chỉ ra đâu hẳn là các chỗ dịch sai. Chúng ta đã không thể lĩnh hội được bao nhiêu giáo huấn Kinh Thánh nếu trước đó không có chỉ dẫn Thông Thiên Học. Người ta đã đọc Kinh Thánh hàng trăm năm, nhưng rất ít ai chiết xuất được nhiều Thông Thiên Học từ đó; vậy mà có nhiều đoạn chỉ có thể được giải thích một cách hợp lý nhờ Minh Triết phương Đông.

So one way of approaching the Path is by being much with those who are already treading it. Another way is by reading or hearing about it. I know how it came to me. This teaching came to me in 1882 through Mr. Sinnett's book The Occult World; and immediately after that I read his second book Esoteric Buddhism. I knew at once that it was true and accepted it, and to hear and to read about it at once fired me with the desire and the absolute intention to know more, to learn all I could on the subject, to pursue it all over the world if necessary until I found it. Shortly-after that I gave up my position in the Church of England and went out to India,, because it seemed that more could be done there.

Vì thế, một con đường tiếp cận Đường Đạo là bằng cách thường xuyên ở cùng những người đã và đang bước trên đó. Một con đường khác là bằng cách đọc hoặc nghe về nó. Tôi biết nó đã đến với tôi như thế nào. Giáo huấn này đến với tôi vào năm 1882 qua quyển Thế Giới Huyền bí của Ông Sinnett; và ngay sau đó tôi đọc quyển thứ hai của ông là Phật giáo Nội Môn. Tôi biết ngay rằng điều ấy là chân lý và đã tiếp nhận nó, và việc được nghe và đọc về nó tức thì đã thổi bùng nơi tôi ước muốn và quyết tâm tuyệt đối là phải biết nhiều hơn, học tất cả những gì tôi có thể về đề tài này, theo đuổi nó khắp thế giới nếu cần cho đến khi tìm được. Chẳng bao lâu sau đó tôi từ bỏ chức vụ trong Giáo hội Anh quốc và sang Ấn Độ, vì dường như ở đó có thể làm được nhiều hơn.

Those, then, are two ways in which people are led to the Path—by reading and hearing of it, and by being in close association with those who are already treading it. The third way

Như vậy, đó là hai con đường mà người ta được dẫn đến Đường Đạo—bằng đọc và nghe về nó, và bằng thân cận với những người đã và đang bước trên đó. Con đường thứ ba được nhắc đến

which is mentioned in Oriental books is by intellectual development; by sheer force of hard thinking a man may come to grasp some of these principles, though I think that method is rare. Again, they tell us in these Oriental teachings that by the long practice of virtue men may come to the beginning of the Path— that a man may so develop the soul by steadily practising the right so far as he knows it that eventually more and more of the light will open before him. Those are the four ways which they mention in Hindu books. So it is possible that we may have come along any one of those lines. But in any case our coming into this Society is certainly the result of action in previous lives; so in that sense we have deserved it. We have perhaps devoted ourselves to this desire, and in fulfilling it in this life we are also fulfilling our own soul-development, for it is a very important part of that development that we should learn the direction in which our forces are to turn.

trong các sách phương Đông là bằng phát triển trí tuệ; bằng sức mạnh thuần túy của tư duy bền bỉ một người có thể nắm bắt một số nguyên lý này, dù tôi nghĩ phương pháp ấy hiếm. Thêm nữa, các giáo huấn phương Đông cũng nói rằng bằng sự hành trì đức hạnh lâu dài người ta có thể đến khởi đầu của Đường Đạo—rằng một người có thể phát triển linh hồn đến mức, bằng cách kiên định thực hành điều phải theo như y biết, rốt cuộc ngày càng có nhiều ánh sáng mở ra trước y. Đó là bốn con đường mà các sách Ấn Độ nêu. Do đó có thể chúng ta đã đi theo bất kỳ đường nào trong số ấy. Nhưng trong mọi trường hợp, việc chúng ta gia nhập Hội này chắc chắn là kết quả của hành động trong các tiền kiếp; theo nghĩa đó, chúng ta đã xứng đáng. Có lẽ chúng ta đã hiến mình cho ước vọng này, và khi hoàn tất nó trong kiếp này, chúng ta cũng đang hoàn tất sự phát triển của chính linh hồn mình, vì đó là một phần rất quan trọng của sự phát triển ấy —rằng chúng ta phải học hướng mà các mãnh lực của mình cần quay về.

The man of great intellect has developed enormously beyond any of us along his own line. Do not imagine that you do not need to advance along his line; do not suppose that you can reach Adeptship without intellectual development. Before you can become a Perfect Man you must have the intellect of the greatest scientist or philosopher, and more; and you must have all the spirituality of the most devoted persons in the world, and more. You must be utterly unselfish; you must have grown in every direction before you can reach full Adeptship. It is just a question of along which of these lines you unfold first. You must avoid the mistake of thinking that because you have this particular faculty of knowing the direction in which we should turn our force, you are therefore greater or more advanced than the person who has high intellect or spirituality. All of these you have

Người có trí tuệ lớn đã phát triển vượt xa bất kỳ ai trong chúng ta theo tuyến riêng của y. Đừng tưởng rằng quý vị không cần tiến bộ theo tuyến đó; đừng nghĩ rằng có thể đạt đến địa vị Chân sư mà không có phát triển trí tuệ. Trước khi trở thành Con Người Hoàn Hảo, quý vị phải có trí tuệ của nhà khoa học hay triết gia vĩ đại nhất, và hơn thế nữa; và quý vị phải có tất cả tinh thần của những người tận tụy nhất trên thế gian, và hơn thế nữa. Quý vị phải tuyệt đối vô vị kỷ; quý vị phải trưởng thành theo mọi hướng trước khi có thể đạt đến trọn vẹn địa vị Chân sư. Vấn đề chỉ là quý vị khai mở trước theo tuyến nào trong các tuyến ấy. Quý vị phải tránh sai lầm khi nghĩ rằng bởi vì mình có năng khiếu đặc thù là biết hướng mà chúng ta nên chuyển mãnh lực của mình, cho nên mình vĩ đại hơn hay tiến bộ hơn người có trí tuệ cao hay có tinh thần cao. Tất cả những điều đó quý vị cũng phải khai mở, và trong khi

to unfold also, and while you have worked at your faculty, other people have been working at these other faculties.

quý vị đã làm việc với năng khiếu của mình, những người khác đã làm việc với các năng khiếu kia.

We have to learn our different lessons, just as a child at school has to learn mathematics and languages and history. He may devote a great deal of his time to one of these subjects and know it quite well, but there may be other children who, although they do not know that one particular subject so well, may be far ahead of him along other lines. You would not speak of those other children as less evolved, but as evolved along another line. So never make the mistake of despising those who have not our Theosophical knowledge. We should know ourselves unworthy to be Theosophists if we had such a feeling as that.

Chúng ta phải học những bài học khác nhau của mình, giống như một đứa trẻ ở trường phải học toán, ngôn ngữ và lịch sử. Nó có thể dành rất nhiều thời gian cho một môn và biết rất khá, nhưng có thể có những đứa trẻ khác, tuy không biết thật giỏi môn mà nó chọn, lại vượt xa nó ở các tuyến khác. Quý vị sẽ không nói những đứa trẻ kia kém tiến hóa, mà là tiến hóa theo tuyến khác. Vì thế, đừng bao giờ mắc lỗi khinh thường những người không có tri thức Thông Thiên Học như chúng ta. Nếu có cảm thức như thế, chúng ta phải tự biết mình không xứng đáng là người Thông Thiên Học.

Nevertheless, we undoubtedly have a very great opportunity, and I think myself that we are fortunate to have undertaken this side of the necessary growth first. The man who develops a specially wonderful intellect is liable to certain temptations. It is possible that he may be proud of it, and may therefore look down on the rest of the world. The person of high spirituality should certainly not be proud of his spirituality; yet the very devotional man is liable to look down on what he calls the coldly intellectual man, not understanding that both these powers are necessary, and that he will have in the future to spend many lives in fostering the very intellect which he despises. I think that we are fortunate to that extent above other people, that we have this knowledge of Theo-sophy which will show us how not to misuse the intellect when we attain it, not to overstrain the devotion, nor to let it, as it so often does, carry its devotees to foolish and extravagant lengths. We who are Theosophists ought to have learnt balance, yet how few of us have perfect balance yet. It is still for most of us a counsel of perfection,

Tuy nhiên, không nghi ngờ gì, chúng ta có một cơ hội rất lớn, và chính tôi cho rằng chúng ta may mắn khi đã đảm nhận mặt này của sự tăng trưởng tất yếu trước tiên. Người phát triển một trí tuệ kỳ diệu đặc biệt dễ vướng vào một số cám dỗ. Có thể y tự hào về nó, và vì vậy khinh rẻ phần còn lại của thế giới. Người có tinh thần cao chắc chắn không nên kiêu hãnh về đời sống tinh thần của mình; vậy mà người hết sức sùng tín thường dễ xem thường cái mà y gọi là người lạnh lùng duy trí, không hiểu rằng cả hai năng lực ấy đều cần thiết, và rằng về sau y sẽ phải dành nhiều kiếp để bồi dưỡng chính trí tuệ mà y đang khinh miệt. Tôi nghĩ chúng ta may mắn hơn người khác ở chỗ này, rằng chúng ta có tri thức về Thông Thiên Học sẽ chỉ cho ta cách không lạm dụng trí tuệ khi đạt được nó, không căng quá mức lòng sùng tín, cũng không để cho nó, như thường xảy ra, đẩy người sùng tín đến những chỗ dại dột và phóng túng. Chúng ta, những người Thông Thiên Học, lẽ ra phải học được sự quân bình, thế mà có biết bao nhiêu người trong chúng ta vẫn chưa có được quân bình hoàn hảo. Đối với phần lớn chúng ta, nó vẫn là một lời khuyên

something for which we must strive; it ought to be our special quality.

hướng đến hoàn thiện, một điều mà ta phải nỗ lực; nó phải là phẩm chất đặc thù của chúng ta.

Since we have this magnificent opportunity of the Theosophical teaching, let us show ourselves worthy of it. It is possible for a man to deserve it and to obtain it, and even then to prove unworthy of it after all. Sometimes people will go far along the line of the teaching and then suddenly meet with some circumstances under which they seem unable to apply it. This may occur even with people who are quite old and advanced Theosophists; some little personal matter will crop up, and in the face of that, they will entirely forget their Theosophical teaching, and act precisely as the ignorant outsider might act. Then we have a very sad failure, a serious retrogression. You all know that in our Theosophical history we have seen deplorable examples of that.

Vì chúng ta có cơ hội trác tuyệt của giáo huấn Thông Thiên Học này, hãy tự cho mình xứng đáng với nó. Có thể một người xứng đáng và đạt được nó, nhưng rồi sau cùng lại tỏ ra không xứng đáng. Đôi khi người ta đi rất xa theo dòng giáo huấn, rồi bỗng gặp những hoàn cảnh dưới đó họ dường như không thể áp dụng nó. Điều này có thể xảy ra ngay cả với những người khá lâu năm và tiến bộ trong Thông Thiên Học; một chuyện nhỏ nhặt cá nhân trồi lên, và đối diện với nó, họ hoàn toàn quên giáo huấn Thông Thiên Học, và hành xử y như người ngoại cuộc thiếu hiểu biết. Khi ấy chúng ta có một thất bại rất buồn, một sự thối lui nghiêm trọng. Tất cả quý vị đều biết rằng trong lịch sử Thông Thiên Học của chúng ta, chúng ta đã chứng kiến những ví dụ đáng tiếc như thế.

No matter, the knowledge is there and it will in due course reassert itself, and progress will be resumed. But such a lamentable failure does involve a severe temporary check. Let us take warning by it; let us be very careful, lest we also should be led astray. If we do not rid ourselves of the personality we are always in danger. We may think we have subdued it, and yet there may come some particular point at which our Theosophical teaching is for the moment forgotten, and that means a heavy fall and a great waste of time for us. Having by hard work in past lives attained this opportunity, let us be careful to use it to the utmost and in the very best and highest manner.

Không sao, tri thức vẫn ở đó và đến thời sẽ tự khẳng định lại, và tiến bộ sẽ được nối tiếp. Nhưng một thất bại đáng buồn như vậy chắc chắn kéo theo một sự khựng lại tạm thời nghiêm trọng. Hãy lấy đó làm lời cảnh tỉnh; hãy hết sức cẩn trọng, kẻo chúng ta cũng bị lạc lối. Nếu chúng ta không trút bỏ phàm ngã, chúng ta luôn ở trong hiểm nguy. Ta có thể nghĩ mình đã khuất phục được nó, thế mà có thể có một điểm đặc thù nào đó khiến giáo huấn Thông Thiên Học của chúng ta trong khoảnh khắc bị quên mất, và điều đó có nghĩa là một cú ngã nặng và sự lãng phí rất lớn thời gian đối với chúng ta. Đã nhọc công trong các kiếp trước để đạt đến cơ hội này, thì giờ đây hãy cẩn thận dùng nó đến mức tối đa và theo cách tốt nhất, cao nhất.

One thing we must assuredly do is to preserve balance and common sense all the way through; so when you receive grandiloquent spiritualistic communications, use your com-

Một điều chúng ta nhất thiết phải làm là giữ vững quân bình và lương tri suốt chặng đường; vì vậy khi quý vị nhận những thông điệp thần linh học hoa mỹ khoa trương, hãy

mon sense and your Theosophical knowledge, and do not be carried away by the fact that the statement happens to be a personal statement, that it is addressed to you or that it flatters you. Do not let that come into the case; take it from the impersonal point of view: "Is this really a probable story that is told to me? "If after careful impersonal consideration, it looks as though there might be something in it, at any rate consult with older students first before acting. Do not be carried away by this presumed spiritual inspiration; it is a dangerous thing, and along that very line many promising people have been shipwrecked.

dùng lương tri và tri thức Thông Thiên Học của mình, và đừng để bị cuốn đi chỉ vì mệnh đề ấy tình cờ là một phát biểu mang tính cá nhân, được gửi đích danh cho quý vị hoặc tâng bốc quý vị. Đừng để điều đó chen vào; hãy nhìn từ quan điểm phi cá nhân: "Câu chuyện được kể cho tôi có thực sự khả tín không?" Nếu sau khi cân nhắc phi cá nhân cẩn trọng mà có vẻ như trong đó có cái gì đó, thì dù sao chăng nữa cũng hãy tham khảo trước với các đạo sinh cao niên rồi mới hành động. Đừng để bị cuốn theo cảm hứng tâm linh được cho là từ trên; đó là điều nguy hiểm, và theo đúng tuyến ấy, nhiều người có triển vọng đã bị đắm tàu.

We have had sad cases where such communications have led to total loss of sanity. Every one thinks that he or she is quite safe from being led so far. Yes, but remember that the people who have made those very mistakes would have thought themselves quite safe a little while before. We must be careful; one's tendency should always be to mistrust communications of that sort—to exercise considerable caution in regard to them, and to receive them with reservation and circumspection. Read the literature of the subject, and you will very soon see what proportion of the communication is worthy of your attention. Of course, I myself or our great President would always be glad that people should write to us about matters of this sort, and although I am afraid it is often our duty somewhat to discourage high hopes along such lines, yet at any rate we can give you the benefit of such experience as we have had. But in the ultimate every man must stand by himself, and it must be your common sense which is your final guide in all occult matters, as it should be in all matters of the physical plane.

Chúng ta đã có những trường hợp buồn khi những thông điệp như vậy dẫn đến mất trí hoàn toàn. Ai cũng nghĩ rằng mình an toàn, không thể bị dẫn đi quá xa. Đúng thế, nhưng hãy nhớ rằng những người đã phạm đúng các lỗi lầm ấy chắc cũng đã nghĩ mình rất an toàn vào ngay trước đó. Chúng ta phải thận trọng; khuynh hướng của mỗi người nên luôn là ngờ vực những thông điệp như thế—thực hành sự cẩn trọng đáng kể đối với chúng, và tiếp nhận với sự dè dặt và minh xét. Hãy đọc văn liệu về đề tài này, và quý vị sẽ rất nhanh thấy phần nào của thông điệp đáng để lưu tâm. Dĩ nhiên, cá nhân tôi hay Bà Chủ tịch vĩ đại của chúng ta luôn vui lòng khi mọi người viết cho chúng tôi về những việc như vậy, và dẫu rằng tôi e rằng bổn phận của chúng tôi thường là phải ít nhiều làm nguội bớt những kỳ vọng cao theo tuyến đó, thì ít nhất chúng tôi cũng có thể trao cho quý vị lợi lạc từ những kinh nghiệm mà chúng tôi đã có. Nhưng sau rốt, mỗi người phải tự đứng vững, và lương tri của chính quý vị phải là kim chỉ nam cuối cùng trong mọi vấn đề huyền bí, như nó phải là kim chỉ nam trong mọi vấn đề của cõi hồng trần.

I have mentioned various ways in which messages are received from the unseen world,

Tôi đã nhắc đến các cách khác nhau mà thông điệp được tiếp nhận từ thế giới vô hình, nhưng

but there is still another type of communication which is perhaps of more immediate interest to some of our students, and that is the message or instruction occasionally given by a Master of the Wisdom to His pupils. Such messages have been sent at intervals all through the history of our Society. They have, however, been of many different kinds, and have come in diverse ways. Some have been public— addressed, that is to say, to all enquirers; others have been intended for certain groups of students only; yet others have been strictly private, containing advice or instruction to a single pupil. A vast amount of what, now that it is systematized, we usually call Theo-sophical teaching, came to us in the shape of phenomenally-produced letters, written (or rather precipitated) by order of one or other of the Brotherhood to which our Masters belong.

vẫn còn một loại truyền đạt khác có lẽ thích đáng tức thời hơn đối với một số môn sinh của chúng ta, đó là thông điệp hay chỉ huấn đôi khi được một Chân sư của Minh Triết ban cho các môn đồ của Ngài. Những thông điệp như vậy đã được gửi từng hồi suốt chiều dài lịch sử của Hội chúng ta. Tuy nhiên, chúng thuộc nhiều loại khác nhau, và đến theo những cách đa dạng. Có những thông điệp công khai—nghĩa là gửi đến tất cả người tìm hiểu; có những thông điệp dành cho một số nhóm môn sinh nhất định; lại có những thông điệp tuyệt đối riêng tư, chứa lời khuyên hay chỉ giáo cho một môn sinh duy nhất. Một lượng lớn điều mà, nay khi đã được hệ thống hóa, chúng ta thường gọi là giáo huấn Thông Thiên Học, đã đến với chúng ta dưới hình thức các bức thư được tạo hiện theo cách hiện tượng (hay đúng hơn là ngưng tụ), được viết theo lệnh của một vị hay vị khác trong Huynh đệ Đoàn Chánh đạo mà các Chân sư của chúng ta trực thuộc.

Students should, however, bear in mind that those early letters were never intended as a complete statement of the ancient doctrine; they were the answers to a number of heterogeneous questions propounded by Messrs. Sinnett and Hume. By slow degrees the outlines of that doctrine began to emerge from this rather chaotic mass of revelation, and Mr. Sinnett tried to reduce it to some sort of order in his Esoteric Buddhism.

Tuy nhiên, môn sinh cần ghi nhớ rằng những bức thư thời kỳ đầu ấy không bao giờ được dự định như một bản trình bày hoàn chỉnh về giáo lý cổ xưa; chúng là các câu trả lời cho một loạt câu hỏi tạp tạp do các ông Sinnett và Hume nêu ra. Dần dà, đường nét của giáo lý ấy bắt đầu nổi lên từ khối hỗn tạp hơi hỗn độn của những điều mặc khải này, và Ông Sinnett đã cố gắng sắp xếp nó vào một trật tự nào đó trong quyển Phật giáo Nội Môn của ông.

Each of his chapters is an able statement of the information received on one branch of the subject, but naturally there are many links missing. Madame Blavatsky herself essayed the same gigantic task in her monumental work The Secret Doctrine; but, wonderful as was the erudition she displayed, the arrangement was still imperfect, and she so overweighted her volumes with quotations from scientific (perhaps sometimes only quasi-scientific) writers, and with more or less

Mỗi chương của ông là một trình bày sắc sảo về thông tin nhận được trên một ngành của đề tài, nhưng tự nhiên có nhiều mắc xích còn thiếu. Bà Blavatsky tự mình cũng đảm đương công việc khổng lồ tương tự trong công trình vĩ đại Giáo Lý Bí Nhiệm; nhưng, dù sở học mà Bà phô bày thật kỳ diệu, cách sắp đặt vẫn chưa hoàn chỉnh, và Bà đã chất chồng các tập sách của mình với trích dẫn từ các tác giả khoa học (có lẽ đôi khi chỉ bán khoa học), và với những chứng cứ ít nhiều mang tính hỗ trợ từ đủ kiểu

corroborative testimony from all kinds of out-of-the-way sources, that it was still almost impossible for the average man to grasp the scheme as a coherent whole. We owe an immense debt of gratitude to Messrs. B. Keightley, A. Keightley, G. R. S. Mead and, above all, to our President, for their long and arduous labour of systematization and re-arrangement; indeed, it was not until the last-mentioned author published The Ancient Wisdom that we had before us a clearly comprehensible statement of Theosophy as we now understand it.

nguồn tư liệu ít người biết, đến nỗi người bình thường hầu như không thể nắm bắt được đề án như một chỉnh thể mạch lạc. Chúng ta mang một món nợ tri ân to lớn đối với các ông B. Keightley, A. Keightley, G. R. S. Mead và, trên hết, với Bà Chủ tịch của chúng ta, vì công trình lâu dài và khó nhọc hệ thống hóa và tái sắp xếp; thực ra, phải đến khi tác giả vừa nêu sau cùng xuất bản Minh Triết Cổ, thì chúng ta mới có trước mắt một bản trình bày dễ hiểu rõ ràng về Thông Thiên Học như chúng ta hiện nay hiểu.

It was not the intention of our Masters that those original letters should be published; indeed, in one of them the Chohan Kuthumi quite clearly stated: “My letters must not be published”; and later in the same epistle: “The letters were not written for publication or public comment upon them, but for private use, and neither M. nor I would ever give our consent to see them thus handled.” Mr. Sinnett promised that at his death he would leave these letters to our President for preservation in the Society’s archives; but most unfortunately he either changed his mind or forgot to do this, and so they fell into the hands of one who thought himself wiser in this matter than the Masters, and therefore did just what They had forbidden, though They had given clear warning that to do so “would only be making confusion worse confounded... would place you in a still more difficult position, bring criticism upon the heads of the Masters, and thus have a retarding influence on human progress and the Theosophical Society “. This is very readily comprehensible to an ordinary intellect when we see how much of purely personal matter and of advice on questions of merely temporary interest those early letters contain; still more so when we remember that Madame Blavatsky said of them:

Ý định của các Chân sư chúng ta không hề là để những bức thư nguyên thủy ấy được xuất bản; thực vậy, trong một bức thư, Đức Chohan Kuthumi đã nói rất rõ: “Các bức thư của Tôi không được phép xuất bản”; và sau đó trong cùng bức thư: “Những bức thư ấy không được viết để công bố hay để công chúng bình luận, mà cho việc sử dụng riêng; và cả Chân sư M. lẫn Tôi sẽ không bao giờ chấp thuận thấy chúng bị xử lý theo cách như vậy.” Ông Sinnett hứa rằng khi ông qua đời, ông sẽ để lại những bức thư này cho Bà Chủ tịch của chúng ta gìn giữ trong văn khố của Hội; nhưng thật bất hạnh, ông hoặc đã đổi ý hoặc đã quên làm điều đó, nên chúng rơi vào tay một người cho rằng mình hiểu biết hơn các Chân sư trong việc này, và vì thế đã làm đúng điều mà Các Ngài đã cấm, dù Các Ngài đã cảnh báo rõ ràng rằng làm như thế “chỉ khiến rối như tơ vò lại càng thêm rối... sẽ đặt ông vào thế khó khăn hơn, rước lấy lời chỉ trích đổ lên đầu các Chân sư, và do đó gây tác động kìm hãm đối với tiến bộ của nhân loại và Hội Thông Thiên Học”. Điều này rất dễ hiểu đối với một trí óc bình thường khi ta thấy có bao nhiêu chuyện thuần cá nhân và lời khuyên về những vấn đề chỉ mang tính thời sự nhất thời được chứa trong những bức thư thời kỳ đầu ấy; lại càng dễ hiểu hơn khi ta nhớ rằng Bà Blavatsky đã nói về chúng như sau:

It is hardly one out of a hundred occult letters that is ever written by the hand of the Master in whose name and on whose behalf they are sent, as the Masters have neither need nor leisure to write them; and when a Master says "I wrote that letter," it means only that every word in it was dictated by Him and impressed under His direct supervision. Generally They make Their Chela, whether near or far away, write (or precipitate) them, by impressing upon his mind the ideas They wish expressed, and, if necessary, aiding him in the picture-printing process of precipitation. It depends entirely upon the Chela's state of development how accurately the ideas may be transmitted and the writing-model imitated.[2]

"Hiếm có một trong một trăm bức thư huyền bí nào được chính tay vị Chân sư mà nhân danh Ngài và thay mặt Ngài mà chúng được gửi đi viết ra, bởi các Chân sư không cần và cũng không có thì giờ để viết chúng; và khi một Chân sư nói 'Ta đã viết bức thư đó', điều ấy chỉ có nghĩa là từng lời trong đó do Ngài chính miệng chỉ giáo và được ghi lại dưới sự giám sát trực tiếp của Ngài. Nói chung, Các Ngài khiến Đệ tử của mình, dù ở gần hay xa, viết (hoặc ngưng tụ) chúng, bằng cách ấn ý tưởng mà Các Ngài muốn diễn đạt vào tâm của y, và nếu cần, trợ giúp y trong quy trình in-hình của sự ngưng tụ. Mức độ chính xác mà các ý tưởng có thể được truyền đạt và kiểu chữ viết có thể được mô phỏng hoàn toàn tùy thuộc vào trình độ phát triển của người đệ tử."

Furthermore, in order to enable him to estimate aright the value in detail of these letters, I most strongly recommend the student to re-read carefully another of Madame Blavatsky's definite statements on this subject, printed on page 617 et seq. of the Centenary number of The Theosophist, in which she clearly explains that the "direct supervision "mentioned above was not always exercised, but that a chela was ordered to satisfy correspondents to the best of his or her ability. I am not for a moment maintaining that the information given in some of those letters was not of the very greatest value and importance to us; on the contrary, it was the beginning of the whole Theosophical revelation; but I do say, having seen the originals, that there are some unquestionably obvious mistakes in detail, and some statements that no Master, with His almost omniscient knowledge, could possibly have made; and I have no doubt that the reasons for such errors are precisely those

Hơn nữa, để giúp người học thẩm định đúng đắn giá trị chi tiết của những bức thư này, tôi hết sức khuyên môn sinh đọc lại thật cẩn thận một tuyên bố dứt khoát khác của Bà Blavatsky về đề tài này, in ở trang 617 và các trang tiếp theo trong số Kỷ niệm 100 năm của tạp chí The Theosophist, trong đó Bà giải thích rõ ràng rằng "sự giám sát trực tiếp" nêu trên không phải lúc nào cũng được thực thi, mà một đệ tử được lệnh đáp ứng thư từ cho các thân hữu tới mức tốt nhất trong khả năng của y hoặc của bà ấy. Tôi không hề, dù chỉ một thoáng, phủ nhận rằng thông tin được trao trong một số bức thư ấy có giá trị và tầm quan trọng rất lớn đối với chúng ta; trái lại, đó là khởi đầu của toàn bộ mặc khải Thông Thiên Học; nhưng tôi xin nói, sau khi đã xem các bản gốc, rằng có một số sai sót chi tiết mà ai cũng thấy rõ, và có vài phát biểu mà không một vị Chân sư nào, với tri thức hầu như toàn tri của Ngài, lại có thể đưa ra; và tôi không chút nghi ngờ rằng nguyên nhân của những sai sót như vậy đúng là những gì Bà Blavatsky đã cho

[2] Lucifer, vol. iii, p. 93.

which Madame Blavatsky gives us.

chúng ta biết.

That, then, was the earliest form in which messages from our Masters came to us in this Theosophical work; but sometimes they were given even more directly. When I first came out to Adyar in 1884, our Masters not infrequently materialized Themselves for a few minutes, so that all who were present could see Them; They spoke with an ordinary audible voice, and various questions were answered in that way. Naturally They could never stay long with us; for we must always remember that the Adepts are the busiest people in the world, and that They have other and infinitely more important work to do than communicating with us. They still look in upon us when They wish to do so, but now They no longer need to waste force in materializing, for there are many among us who can feel Their presence and receive an impression from Them, though there are still but few who can actually see and hear. That method of "personal apparition "was necessary at that time, because there was no one but Madame Blavatsky who could use the higher vehicles, and she could not be both here and in Europe at the same time. I have mentioned several instances of these appearances in my booklet How Theosophy Came to Me.

Đó, như vậy, là hình thức sớm nhất mà các thông điệp từ các Chân sư của chúng ta đến với chúng ta trong công cuộc Thông Thiên Học này; nhưng đôi lúc chúng còn được ban ra một cách trực tiếp hơn nữa. Khi tôi mới đến Adyar vào năm 1884, các Chân sư của chúng ta không ít lần hiện hình trong vài phút, để tất cả những ai có mặt đều có thể thấy Các Ngài; Các Ngài nói bằng giọng bình thường nghe được, và nhiều câu hỏi đã được giải đáp theo cách đó. Tự nhiên, Các Ngài không bao giờ có thể lưu lại lâu với chúng ta; vì chúng ta phải luôn nhớ rằng các vị Chân sư là những người bận rộn nhất thế gian, và rằng Các Ngài còn có những công việc khác vô cùng quan trọng hơn là truyền đạt với chúng ta. Các Ngài vẫn ghé nhìn chúng ta khi Các Ngài muốn làm như vậy, nhưng bây giờ Các Ngài không còn cần lãng phí mãnh lực vào việc hiện hình nữa, vì giữa chúng ta có nhiều người có thể cảm được Sự Hiện Diện của Các Ngài và tiếp nhận ấn tượng từ Các Ngài, dù rằng vẫn còn ít người có thể thực sự thấy và nghe. Phương pháp "thị hiện cá nhân" ấy cần thiết vào thời điểm đó, bởi vì không có ai ngoài Bà Blavatsky có thể sử dụng các hiện thể cao, và Bà không thể vừa ở đây vừa ở châu Âu cùng một lúc. Tôi đã kể vài trường hợp về những lần xuất hiện này trong tập sách mỏng Thông Thiên Học Đến Với Tôi Như Thế Nào.

In these modern days messages are still sometimes sent, though more often to groups or to students in general than to individuals. It is well known that there are certain great occasions in each year on which the Members of the Great White Brotherhood come together to join in the celebration of some important anniversary, to consult as to methods of progress, and to shed a collective blessing upon the world. Such gatherings are always open to any of Their pupils who can

Trong thời hiện đại, các thông điệp đôi khi vẫn được gửi, dù thường là cho các nhóm hay cho môn sinh nói chung hơn là cho cá nhân. Người ta đều biết rằng mỗi năm có những dịp trọng đại mà các Thành viên của Thánh đoàn cùng nhau nhóm họp để cử hành kỷ niệm một ngày quan trọng, bàn thảo về những phương pháp tiến bộ, và ban một phúc lành tập thể cho thế giới. Những cuộc hội tụ như vậy luôn mở cho bất kỳ môn sinh nào của Các Ngài có thể đến dự trong thể cảm dục, và không hiếm khi, sau

attend in their astral bodies, and it not infrequently happens that after the special ceremony of the day is over, They are gracious enough to move for a few minutes among those pupils, to utter perhaps to one here and another there a few friendly words of advice or encouragement, and sometimes to deliver a short address to be repeated to others of Their pupils or Their school who have not the good fortune to be present. That happened, for example, only a few weeks before the date when I am writing this, at the Festival of the Full Moon of Asadh or Asala in this year 1931, to the very great upliftment and enheartening of those who were privileged to hear.

khi nghi lễ đặc biệt của ngày đã kết thúc, Các Ngài rủ lòng đến với những môn sinh ấy vài phút, có lẽ nói với người này và người kia vài lời thân ái khuyên bảo hoặc khích lệ, và đôi khi ban một bài huấn từ ngắn để được thuật lại cho những môn sinh khác của Các Ngài hoặc của trường của Các Ngài vốn không có may mắn hiện diện. Sự việc như thế đã xảy ra, chẳng hạn, chỉ vài tuần trước ngày tôi viết những dòng này, vào Lễ Hội Trăng Tròn tháng Asadh hay Asala năm 1931, để nâng đỡ và làm phấn chấn sâu xa những ai có diễm phúc lắng nghe.

Students sometimes ask how such messages are actually communicated, and how they can be reproduced upon the physical plane, seeing that they are of necessity delivered on an altogether higher level. I think it should be clearly understood that they can never be fully reproduced—that even the most exquisite diction, the most marvellous eloquence of this lower world can never convey a hundredth part of the wealth of meaning, of the glowing poetry, of the indescribable light and splendour which such an address contains. Even to explain the method of its reception is barely possible except to one who has experienced it.

Môn sinh đôi khi hỏi những thông điệp như vậy thực ra được truyền đạt thế nào, và làm sao chúng có thể được tái hiện trên cõi hồng trần, vì tất yếu chúng được ban ở một cấp độ hoàn toàn cao hơn. Tôi nghĩ cần hiểu rõ rằng chúng không bao giờ có thể được tái hiện đầy đủ—rằng ngay cả văn từ tinh xảo nhất, hùng biện kỳ diệu nhất của cõi thấp này cũng không thể chuyển tải một phần trăm sự phong phú của ý nghĩa, chất thơ rực cháy, ánh sáng và huy hoàng không thể diễn tả mà một bài huấn từ như vậy chứa đựng. Ngay cả việc giải thích phương pháp tiếp nhận nó cũng hầu như không thể, trừ phi với người đã từng thể nghiệm.

Here in this physical world one man speaks and another hears; but we all know how-words fail us when we try to body forth the highest thought, the noblest emotion; even here we recognize the utter inadequacy of our means of expression. In the astral world feelings and emotions flash telepathically from one to the other; but even there if we wish to convey a conception to another man, we must embody it in words, though those words need not be audibly spoken. Hence the necessity for a common language on that plane. Rising to

Ở đây, trong thế giới hồng trần, một người nói và người khác nghe; nhưng tất cả chúng ta đều biết lời lẽ thất bại như thế nào khi ta cố hiện thân tư tưởng cao nhất, xúc cảm cao quý nhất; ngay tại đây ta đã nhận ra sự bất cập hoàn toàn của phương tiện biểu đạt. Ở cõi cảm dục, cảm thức và xúc cảm lóe sáng qua lại bằng viễn cảm; nhưng ngay cả ở đó, nếu muốn truyền đạt một khái niệm cho người khác, ta phải khuôn nó vào lời, dù những lời ấy không cần được thốt ra thành tiếng. Do đó mới cần có một ngôn ngữ chung trên cõi ấy. Lên cõi trí, ta thấy

the mental world, we find that thought can be sent direct from one mental body to another without formulation in words at all, but even so it must be clear-cut and definite, and the recipient will understand it only in proportion to his own development. Each thought takes a form, as is illustrated in our Theosophical book on the subject, but, as will be seen in those pictures, some thoughts are far more vague and cloudy than others. If we rise one stage further we come to the higher mental, the level of the ego in his causal body; there thought takes no concrete form (which is why that world is called Arupa or formless) but passes like a lightning-flash from one ego to another.

tư tưởng có thể được gửi trực tiếp từ thể trí này sang thể trí khác mà không cần định hình bằng từ ngữ, nhưng dù vậy nó phải sắc nét và xác định, và người nhận sẽ chỉ hiểu tùy theo mức phát triển của chính mình. Mỗi tư tưởng đều mang một hình tướng, như được minh họa trong cuốn sách Thông Thiên Học về đề tài này, nhưng như có thể thấy trong những bức họa ấy, có tư tưởng mơ hồ và đầy mây mù hơn những tư tưởng khác. Nếu ta lên thêm một bậc nữa, ta đến cõi thượng trí, cấp độ của chân ngã trong thể nguyên nhân; ở đó tư tưởng không mang hình tướng cụ thể (vì thế cõi này gọi là Arupa hay vô hình tướng) mà truyền đi như một tia chớp từ chân ngã này sang chân ngã khác.

The Adept can use His consciousness at any of these levels, and at others far higher still; but naturally He adapts Himself to His audience. Most of those to whom He would be likely to entrust a message will have succeeded in unfolding their consciousness at that causal level; and so it is usually in this splendid flashing glory that His message is expressed. One cannot of course describe what happens; each idea is like a little glowing ball of colour, containing not only the root-idea, but all sorts of correlations and inferences as well. I tried to explain it thus in The Masters and the Path:

Một vị Chân sư có thể vận dụng tâm thức của Ngài ở bất kỳ cấp độ nào trong số đó, và cả ở những cấp độ còn cao hơn nữa; nhưng tự nhiên Ngài thích nghi với thính chúng của mình. Phần lớn những ai mà Ngài có thể giao phó một thông điệp sẽ là những người đã khai mở tâm thức ở cấp độ nguyên nhân; vì vậy thường thì thông điệp của Ngài được diễn đạt trong vinh quang lóe sáng rực rỡ này. Người ta dĩ nhiên không thể mô tả chuyện gì diễn ra; mỗi ý tưởng giống như một tiểu cầu phát sáng nhiều màu, chứa không chỉ ý niệm gốc mà còn đủ mối tương quan và suy diễn đi kèm. Tôi đã cố giải thích như sau trong quyển Các Chân sư và Thánh Đạo:

The thought of an Adept showers upon His pupil a kind of hailstorm of lovely little spheres, each of which is an idea with its relation to other ideas quite clearly worked out; but if the pupil is fortunate enough to remember and clever enough to translate such a hailstorm, he is likely to find that he may need twenty pages of foolscap to express that one moment's deluge, and even then, of course, the expression is necessarily imperfect.[3]

"Tư tưởng của một vị Chân sư rải xuống môn đồ của Ngài một trận mưa đá những tiểu cầu tuyệt đẹp, mỗi tiểu cầu là một ý tưởng có mối liên hệ với các ý tưởng khác được triển khai hết sức rõ ràng; nhưng nếu môn đồ đủ may mắn để ghi nhớ và đủ khéo léo để chuyển dịch một trận mưa đá như thế, y sẽ thấy rằng có lẽ cần đến hai mươi trang giấy khổ lớn để diễn đạt cơn lũ trong một khoảnh khắc ấy, và ngay cả khi đó, dĩ nhiên, sự diễn đạt vẫn tất yếu không trọn vẹn."

Just because only ideas are given, and not words, each who hears must obviously translate it in his own way. I do not mean merely that a Frenchman would write it down in French, and an Englishman in English; I also mean that each man will write it in his own style. He cannot do otherwise if he has to be natural, and he must at all costs avoid being affected or stilted. If on rare occasions a Master does condescend for some special purpose to use actual physical words, what He says is always terse and to the point, each sentence full of meaning. Some of us try to catch and reproduce that, but I think even then our translation tends to be longer than the original! Some translators are naturally more diffuse and verbose, and seek to enforce their point by much repetition; it is only an effort in another direction to bring out the tremendous force of the Master's speech, but no method can ever be fully successful. Be sure that the Adept wastes no words.

Chính vì chỉ có ý tưởng được ban, chứ không phải lời, nên mỗi người nghe tất sẽ phải chuyển dịch theo cách của riêng mình. Tôi không chỉ muốn nói rằng một người Pháp sẽ ghi lại bằng tiếng Pháp, còn một người Anh sẽ ghi lại bằng tiếng Anh; tôi còn muốn nói rằng mỗi người sẽ viết theo văn phong riêng. Y không thể làm khác nếu muốn tự nhiên, và phải tránh cho bằng được sự làm dáng hay cầu kỳ. Nếu trong những dịp hiếm hoi một vị Chân sư hạ cố, vì mục đích đặc biệt nào đó, dùng những từ ngữ hồng trần, thì điều Ngài nói luôn gọn và đúng ý, mỗi câu đều đầy ý nghĩa. Một số người trong chúng tôi cố chép và tái hiện điều ấy, nhưng tôi nghĩ ngay cả khi đó bản chuyển dịch của chúng tôi vẫn có khuynh hướng dài hơn nguyên bản! Một số người chuyển dịch vốn dĩ lan man và dài dòng hơn, và cố nhấn mạnh điều mình muốn nói bằng nhiều lặp lại; đó chỉ là một nỗ lực theo hướng khác nhằm làm bật lên sức mạnh ghê gớm trong lời của vị Thầy, nhưng không phương pháp nào có thể thành công trọn vẹn. Hãy tin chắc rằng vị Chân sư không phung phí lời.

This influence of the idiosyncrasies of the reporter was often very evident in the messages which came through Madame Blavatsky. She had her own special use of certain English words, her own forms of expression and construction, and these are to be seen now and then in her transcripts of letters and messages

Ảnh hưởng của những nét riêng trong cá tính người thuật lại thường thấy rất rõ trong các thông điệp truyền qua Bà Blavatsky. Bà có cách dùng riêng một số từ tiếng Anh, có kiểu diễn đạt và cấu trúc riêng, và những điều này đôi khi vẫn thấy trong các bản chép thư và thông điệp của Bà.

The prejudiced scoffer seizes upon this and declares the letter an obvious forgery, but he shows thereby only his own crass ignorance of the subject, and his incapability to realize the meticulous care taken by those upon whom falls the responsibility of bringing through these pricless communications.

Kẻ hay nhạo báng vì thiên kiến sẽ chộp lấy điều đó và tuyên bố bức thư là giả tạo rõ ràng, nhưng hắn chỉ phô bày sự ngu dốt thô thiển của chính mình về đề tài, và sự bất năng không thể hình dung sự cẩn trọng tỉ mỉ của những người gánh trách nhiệm đưa những thông điệp vô giá như thế xuống.

---

[3] Op. cit., p. 170.

The personal equation of the bearer of a message is undoubtedly a fact to be taken into consideration. On the other hand, it is only fair to say that those who have been trained by our Masters and Their older pupils have always been most earnestly warned to beware of it, and many of them have spent arduous years in eliminating it. I remember very vividly the care and trouble which my own Teacher devoted to this matter in 1885, when He was instructing me as to the transference to the physical brain of something seen or heard by the inner senses. I have mentioned elsewhere how He would make a strong thought-form, and say to me: "What do you see? "And when I described it to the best of my ability, would come again and again the comment: "No, no; you are not seeing true; you are not seeing all; dig deeper into yourself, use your mental vision as well as your astral; press just a little further, a little higher."

Yếu tố cá nhân của người mang thông điệp chắc chắn là điều cần tính đến. Mặt khác, công bằng mà nói, những ai đã được các Chân sư của chúng ta và các môn đồ cao niên của Các Ngài rèn luyện luôn được khuyến cáo hết sức nghiêm túc phải cảnh giác với điều ấy, và nhiều người trong số họ đã dành những năm tháng gian nan để loại trừ nó. Tôi còn nhớ như in sự chăm chút và lao nhọc mà Chính Vị Thầy của tôi đã dành cho việc này vào năm 1885, khi Ngài chỉ dạy tôi về việc chuyển tải xuống bộ não hồng trần điều đã thấy hay nghe bằng các giác quan nội tại. Tôi đã kể ở nơi khác cách Ngài tạo một Hình tư tưởng mạnh, và nói với tôi: "Con thấy gì?" Và khi tôi mô tả bằng hết khả năng của mình, thì lời bình lại đến hết lần này đến lần khác: "Không, không; con chưa thấy đúng; con chưa thấy hết; hãy đào sâu hơn vào nội tâm mình, dùng cả thị kiến trí tuệ lẫn cảm dục; cố vươn thêm chút nữa, cao hơn chút nữa."

Precisely the same method was adopted with regard to the translation of messages. He would throw out one of those flashing, jewel-like little balls of living light, and direct me to express it in such words as I could; then He would say: "Right as far as it goes; but cannot you make more of it than that—much more? Look more closely, look into the very heart of it; don't miss a, single shade of colour or form; don't let your preconceptions blind you or cramp your interpretation." And often I had to repeat my effort many times before my mentor was satisfied. More information on this whole subject of messages may be found in The Masters and the Path, 2nd Edition, page 157 et seq; it is unnecessary for me to repeat it here.

Chính xác một phương pháp như vậy đã được áp dụng đối với việc chuyển dịch thông điệp. Ngài sẽ ném ra một trong những tiểu cầu ánh sáng sống động, như châu ngọc lóe sáng ấy, và bảo tôi diễn đạt nó bằng những từ ngữ mà tôi có thể; rồi Ngài sẽ nói: "Đúng, nhưng mới đến đó thôi; chẳng lẽ con không thể làm nhiều hơn thế—nhiều hơn ư? Hãy nhìn gần hơn, nhìn vào tận tâm điểm của nó; đừng bỏ sót một sắc độ màu hay một nét hình nào; đừng để định kiến của con làm mờ mắt hay bó chặt lối diễn dịch." Và thường khi tôi phải lặp lại nỗ lực của mình nhiều lần trước khi vị thầy chỉ đạo của tôi hài lòng. Thông tin chi tiết hơn về toàn bộ đề tài thông điệp có thể tìm thấy trong quyển Các Chân sư và Thánh Đạo, Ấn bản lần thứ hai, trang 157 và các trang tiếp theo; tôi không cần lặp lại ở đây.

Bat finally and most emphatically I should like to impress upon our students that they should judge every message upon its own merits,

Nhưng sau cùng, và điều này cần nhấn mạnh nhất, tôi muốn khắc ghi nơi các đạo sinh của chúng ta rằng họ nên phán xét mỗi thông điệp

even if it claims to represent the wish of an Adept or of the whole Hierarchy, and apply to it their own reason and common sense. I would say to them: Beware most especially of the entity who flatters you, in whatever form he may show himself—of the message which tells you that you are marked out for a sublime destiny, that you alone in all the world are sufficiently developed to be able to express to that world the truth which he wishes to convey to it, that you are the predestined saviour of mankind. We have all of us a sublime destiny, we are all moving upward and onward to a glory beyond human understanding, but we are still some distance from that goal. We may all, here and now, be helpers of mankind; perchance in the far future one or two among us may become worthy of the title of its saviours; but not yet. In Light on the Path it is written:

theo giá trị tự thân của nó, dẫu cho nó tự nhận là trình bày ý muốn của một Chân sư hay của toàn thể Thánh Đoàn, và áp dụng với nó lý trí và lẽ thường của chính mình. Tôi muốn nói với họ: Hãy đặc biệt cảnh giác với thực thể tâng bốc bạn, bất kể y hiện ra dưới hình thức nào—với thông điệp bảo rằng bạn được định danh cho một định mệnh cao cả, rằng chỉ mình bạn trong toàn thế giới đã phát triển đủ để có thể bày tỏ cho thế giới ấy chân lý mà y muốn truyền đạt cho nó, rằng bạn là đấng cứu thế được tiền định của nhân loại. Tất cả chúng ta đều có một định mệnh cao cả, tất cả chúng ta đang thăng vượt và tiến tới một vinh quang vượt ngoài sự thấu hiểu của con người, nhưng chúng ta vẫn còn một quãng cách với mục tiêu ấy. Tất cả chúng ta, ngay tại đây và bây giờ, có thể là những người phụ trợ cho nhân loại; biết đâu trong tương lai xa, một hai người trong chúng ta có thể trở nên xứng đáng với danh xưng những vị cứu độ của nó; nhưng chưa phải lúc này. Trong Ánh sáng trên Đường Đạo có viết:

Remember, O disciple, that, great though the gulf may be between the good man and the sinner, it is greater between the good man and the man who has attained knowledge; it is immeasurable between the good man and the one on the threshold of divinity. Therefore, be wary lest too soon you fancy yourself a thing apart from the mass,

Hãy ghi nhớ, hỡi đệ tử, rằng, dù hố cách giữa người thiện và kẻ tội lỗi có lớn đến đâu, thì hố cách giữa người thiện và người đã đạt tri thức còn lớn hơn; và hố cách giữa người thiện và kẻ đứng ở ngưỡng cửa của thiên tính là không thể đo lường. Vì vậy, hãy thận trọng kẻo quá sớm tự cho mình là một cái gì đó tách biệt khỏi quần chúng,

We who have been privileged to see the light of Theosophy, we who humbly and patiently study its teachings, do stand “apart from the mass” in that, because we know so much more, we have a far greater responsibility; but pride is a very subtle vice, and we shall do well to receive with caution messages which flatter us beyond all reason.

Chúng ta, những người đã được diễm phúc thấy ánh sáng của Thông Thiên Học, chúng ta, những người khiêm cung và nhẫn nại học giáo lý của nó, quả có “tách biệt khỏi quần chúng” ở chỗ, vì chúng ta biết nhiều hơn, chúng ta mang một trách nhiệm lớn hơn nhiều; nhưng kiêu mạn là một lỗi lầm hết sức vi tế, và chúng ta sẽ làm đúng khi tiếp nhận với sự dè dặt những thông điệp tâng bốc chúng ta quá mức lẽ phải.

Of course if a man knows, or has very strong reason to believe, that a certain communication comes from a Master of the Wisdom, he will inevitably and quite rationally attach much greater importance to it than he would to the saying of an ordinary "spirit-guide ". He would read it with the closest attention; if there were any passages in it which he could not fully understand, he would study them heedfully, and seek to fathom their hidden meaning. But even so, he should examine very carefully and without prejudice his reasons for that belief, bearing always in mind that magnificently liberal utterance of the Lord Buddha in the Kalama Sutta:[4]

Dĩ nhiên, nếu một người biết, hoặc có lý do rất vững chắc để tin, rằng một sự truyền đạt nào đó đến từ một Chân sư Minh triết, người ấy tất yếu và rất hợp lý sẽ coi trọng nó hơn rất nhiều so với lời nói của một "vị hướng dẫn thần linh" tầm thường. Người ấy sẽ đọc nó với sự chú ý sát sao nhất; nếu trong đó có những đoạn mà người ấy chưa thể thấu hiểu trọn vẹn, người ấy sẽ chăm chú khảo cứu, và tìm cho ra ý nghĩa ẩn tàng của chúng. Nhưng ngay cả như thế, người ấy vẫn nên xét lại thật cẩn trọng và không thiên kiến các lý do của niềm tin ấy, luôn ghi nhớ lời dạy quảng đại tuyệt vời của Đức Phật trong Kinh Kalama:

O ye Kalamas, it is right to doubt, it is right to be perplexed; for perplexity arises concerning a matter of doubt. But, Kalamas, when you know for yourselves thus: "These doctrines are wrong, faulty and censured by the wise, when accepted and followed they lead to evil and misery," then, Kalamas, cast them aside, even though you have heard them, or they are the tradition, or they are generally accepted, or they are found in the sacred books, or they seem to follow logically, or you consider them in accordance with science, or they seem convincing on their appearance, or are agreeable to your personal views, or you are impressed by the speaker, and even though the person who utters them is your teacher.

Này các Kalama, hoài nghi là đúng, bối rối là đúng; vì sự bối rối khởi sinh liên quan đến điều còn hoài nghi. Nhưng, này các Kalama, khi tự mình các vị biết như vầy: "Những học thuyết này là sai trái, khiếm khuyết và bị bậc trí chê trách; khi chấp nhận và theo theo, chúng dẫn đến ác hại và khổ đau," thì này các Kalama, hãy gạt chúng sang một bên, dẫu cho các vị đã từng nghe chúng, hay đó là truyền thống, hay chúng được số đông chấp thuận, hay chúng được tìm thấy trong các sách thiêng, hay dường như chúng theo lôgíc, hay các vị cho rằng chúng phù hợp với khoa học, hay bề ngoài chúng có vẻ thuyết phục, hay chúng hợp với quan điểm riêng của các vị, hay các vị ấn tượng bởi người thuyết giảng, và dẫu cho người nói ra chúng là bậc thầy của các vị.

But this I have said to you, Kalamas: When you

Còn điều này, ta đã nói với các vị, hỡi các

[4] This, I am told, is a correct translation of the Pali original; that given to Colonel Olcott by a learned Buddhist monk, and published in his Buddhist Catechism, differs slightly. In that rendering the address concludes with a sort of summary: "For this have I taught you, not to believe merely because you have heard, but when you believe of your own consciousness, then to act accordingly and abundantly."

know for yourselves thus: ‘ These doctrines are good, correct and praised by the wise, when accepted and followed they lead to advantage and happiness,” then, Kalamas, accept them and live by them; but not because they are the tradition, or they are generally accepted, or they are found in the sacred books, or they seem to follow logically, or you consider them in accordance with science, or they seem convincing on their appearance, or are agreeable to your personal views, or you are impressed by the speaker, and even though the person who utters them is your teacher.

Copyright © 2011 by Anand Gholap. All rights reserved. Terms of Use of this web-site

Kalama: Khi tự mình các vị biết như vầy: “Những học thuyết này là thiện, đúng đắn và được bậc trí tán dương; khi chấp nhận và theo theo, chúng dẫn đến lợi ích và hạnh phúc,” thì, này các Kalama, hãy chấp nhận chúng và sống theo chúng; nhưng không phải vì đó là truyền thống, hay vì chúng được số đông chấp thuận, hay vì chúng được tìm thấy trong các sách thiêng, hay dường như chúng theo lôgíc, hay các vị cho rằng chúng phù hợp với khoa học, hay bề ngoài chúng có vẻ thuyết phục, hay chúng hợp với quan điểm riêng của các vị, hay các vị ấn tượng bởi người thuyết giảng, và dẫu cho người nói ra chúng là bậc thầy của các vị.

Bản quyền © 2011 thuộc về Anand Gholap. Mọi quyền được bảo lưu.